

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127/ Panjabhim Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120 / 2
Thailand / TỔ CÔNG-TÁC VIỆT-NAI

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

6 CHU-VAN-AN

1. Name
Họ, tên

: NGUYỄN THƯỜNG-CHÍ

HÀ-NỘI
Sex:
Phái

Male

2. Other Names
Họ, tên khác

: SIÊU

3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh

: 25 July 1920 at Phú Long, Mytho, Việt-NAM

4. Residence Address
Địa-chỉ thường-tru

: 153/8-9 KỶ ĐÔNG P.9 Q.3 HỒ CHÍ MINH CITY

5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử

: 153/8-9 KỶ ĐÔNG P.9 Q.3 HỒ CHÍ MINH CITY

6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại

: Accounting

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. VƯƠNG CẨM-VÂN (F)	27 Mar. 1922	Đà Nẵng (F)		M	My wife
2. NGUYỄN-NGỌC CỎ	20 NOV 1949	SAIGON VIETNAM (F)		S	My daughter
3. NGUYỄN-NGỌC TUYẾT	28 Jan. 1952	SAIGON VN (F)		S	My daughter
4. NGUYỄN THƯỜNG-TIẾN	4 Apr. 1956	SAIGON VN	Male	M	My son
5. TRẦN-THỊ-KIM-CHÍ	2 Mar. 1959	Nguyệt Hóa (F)		M	My daughter-in-law
6. (1)		Vĩnh Bình Trại			
7. Cầm Long					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên :

Mr. HAP. NGOC. VUONG

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

Brother-in-law

c. Address
Địa-chỉ :

BRIDGEPORT CONNECTICUT

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ :

about 1980 U.S.A

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : Mr. NGUYEN. THUONG-CHANH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : My eldest son

c. Address
Địa-chỉ : LONGUEUIL QUEBEC CANADA

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYEN-VAN-KHON (Dead)

2. Mother
Me : TRIEU-THI-DAO (Dead)

3. Spouse
Vợ/Chồng : VUONG-CAM-VAN (Living)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): TRINH-THI-NHU (Dead in 1944)

5. Children
Con cái: (1) NGUYEN-THUONG-CHANH (Living) in CANADA
(2) NGUYEN-NGOC-CO (Living) in Ho Chi Minh City, Viet Nam
(3) NGUYEN-NGOC-TUYET (Living) in Ho Chi Minh City VIETNAM
(4) NGUYEN-THUONG-TIEN (Living) in Ho Chi Minh City VIETNAM
(5) TRANG-THI-KIM-CHI (Living) 22 Dien Bien Phu St. Tr Vinh
(6) (1) Cầu Long Viet Nam -
(7)
(8)
(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1) VUONG CAM NHUNG (Living) (F) Springfield
(2) BUI HAU (Living) Male old address: RT 7 Box 504A MASS. LICH
(3) VUONG BUI LAN (Living) HOE Chesterton Dr. Nepean, Ontario K2E 5B9 CANADA 'USA
(4) VUONG-NGOC-DIEP (DIEP NGUYEN) (Living) Male BRIDGEPORT CT. 'USA
(5) HAP NGOC VUONG (Living) Male HOUSTON TX, 'USA
(6) VUONG BUI FAROC (Male) (Living) ĐÀ PHUOC CHAU DOC VIETNAM
(7) VUONG CAM TU (F) 233/25 Hẻm 12 Lũ GIÁ Ho Chi Minh City VIETNAM
(8)
(9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title
Chức-vụ : /

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : /

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: /

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : /

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title
Chức-vụ : /

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : /

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: /

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : /

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : None

Position title
Chức-vụ : /

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : /

Length of Employment From: To:
Thời gian làm-việc Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: /

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : /

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban-Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN-THƯỜNG-CHI

2. Dates: From: 1949 and continued To:
Ngày, tháng, năm Từ 7 July 1954 Tới 30 April 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng Tax Inspector Serial Number: 20. 211.09.001

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung : Ministry of Finance (Sở Quốc Gia Danh B8)
Directorate General of Taxation

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Mr. PHAM-NHUT-HOC
(Director General of Taxation)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

The events of 30 April 1975

7. Names of American Advisor(s): 1st US Tax Team = Mr. McKEY, US Tax Team Leader
Họ tên cố-vấn Mỹ : 2nd US Tax Team = Mr. MAGINNIS, US Tax Team Leader
Mr. JOHN MANGAN, Tax Advisor
8. U.S. Training Courses in Vietnam: 3rd US Tax Team = Mr. W.W. NEWNAM, US Tax Team Leader
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Viet-Nam = BASIC Administrative Management Mr. Terry Coyne, Tax Advisors
(with Dr. Hugh Wood and Dr. Jack W. Dornum and Richard Rucell, etc.)
9. U.S. Awards or Certificates: Mr. Prichard, (Training)
Name of award: b) Other US Advisors = Date received: 1) Mr. David Tickling, 1958-1959 Training
Phần-thưởng hoặc giấy khen: CERTIFICATE Ngày nhận: 3 June 1968 2) Mr. Ray E. Davis, 1961-1965

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. 1961-1965 Available? Yes ☒ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nêu có. and training Đủng sự có không? Có ☒ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

- | | A. MYSELF | B. MY ELDEST SON |
|--|--|--|
| 1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: | <u>NGUYỄN-THƯỜNG-CHI</u> | <u>NGUYỄN-THƯỜNG-CHÁNH</u> |
| 2. School and School Address -
Trường và địa-chỉ nhà trường: | <u>1) American University, Washington D.C.</u>
<u>2) GEORGE WASHINGTON University, Washington D.C.</u>
<u>3) Southern California University, Los Angeles</u> | <u>Veterinarian, Teacher at the University of Cantho (VN), -studied and was trained at CHULA-LONGKORN UNIVERSITY, BANGKOK THAILAND 1969-1972 in VETERINARY SCIENCE</u> |
| 3. Dates:
Ngày, tháng, năm | <u>Respectively</u>
<u>From</u> <u>1) NOV-Dec 1958</u> <u>To:</u>
<u>2) FEB-May 1959</u>
<u>3) February 1971</u> | <u>1969-1972</u> |
| 4. Description of Courses
Mô-tả ngành học | <u>1) American History and Civilization</u>
<u>2) TAX ADMINISTRATION -</u>
<u>work analysis, w. control and w. simplification</u> | <u>Graduate: DOCTOR Degree</u> |
| 5. Who paid for training?
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? | <u>USAID paid and Basic Administrative Management</u> | <u>U.S.A.I.D. paid</u> |

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐
+ Photographs, Newspaper and News letter clippings and letters

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGUYỄN-THƯỜNG-CHI
2. Time in Reeducation: From: 17 June 1975 To: 13 January 1982
Thời gian học-tập Từ: Ngày: Tháng: Năm
3. Still in Reeducation? * Yes ☐ No ☒
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có ☐ Không ☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

- I. Any Additional Remarks?/Cúdc chú phụ-thuộc
(1) TRANG THI-KIM-CHI lives at 22
ĐIÊN BIÊN PHÚ Street, Trại Vinh, Qui Long
As a School Teacher, She has to wait for an authorization to move
to her husband's house located in Ho Chi Minh City. Formalities are in process.
(2) We will highly appreciate your assistance, if you take into
consideration our petition in the humanitarian side, and allow
all my children to join to us to resettle in the USA. Due to our
old age, we depend on them, and mostly depend on our Son TIEN and
his wife, our main supports.

Signature
Ký tên: NGUYỄN-THƯỜNG-CHI

Date
Ngày: 5th June 1989

- J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

A list of documents is attached with 4 pages.
It will respond to this questionnaire and, also, to
ODP-D Documents Request - Cat 2/3.

FROM: NGUYEN THUONG CHI
153/8-9 Ky Dong P.9 Q.3
TP. HO-CHI-MINH



Kính gửi
Đến: BÀ KHUẤT MINH-THỎ
ARLINGTON
VIRGINIA
U.S.A.

PAR AVION VIA AIR MAIL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố

Cần Long

Quận, Huyện

Thị xã Trà Vinh

Xã, Phường

Phường 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 01

Số 138

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ TRẦN THỊ KIM CH

Sinh ngày 02.03.1959

Quê quán Chi xã Trà Vinh (Cần Long)

Nơi đăng ký thường trú Số 22 Điện Biên

Phủ phường 2 thị xã Trà Vinh

Nghề nghiệp giáo viên

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 360031993

Họ và tên người chồng NGUYỄN THƯỢNG TIẾN

Sinh ngày 04.04.1956

Quê quán xã Long Khánh, Cai Lậy (Tiền Giang)

Nơi đăng ký thường trú Số 153/8-9 Kỳ Đồng

Phường 09 Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Cán sự kỹ thuật điện

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 022595196

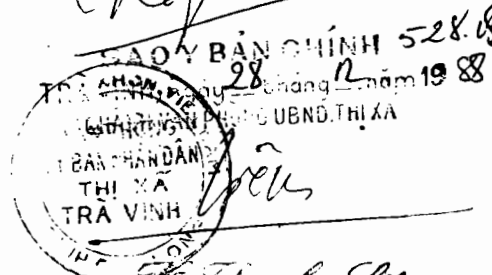
Kết hôn ngày 17 tháng 3 năm 1988

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

TM/UBND

[Handwritten signatures of the bride and groom]



[Handwritten signatures and stamps of the local government officials]

[Handwritten signature: Tô Thanh Liêm]

PROVINCE : CUU LONG
TOWNSHIP : TRA VINH
QUARTER : 2

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

Volume No. 01
No. 138

U/V MARRIAGE CERTIFICATE

Full name of the wife TRANG THI KIM CHI
Date of birth March 02, 1959
Native place Tra Vinh township (Cuu Long)

Permanent residence No. 22 Dien Bien Phu
 Quarter 2, Tra Vinh township

Occupation Teacher

Ethnic group : Kinh, Nationality : Vietnamese

ID card or passport No. 360031993

Full name of the husband : NGUYEN THUONG TIEN
Date of birth April 04, 1956
Native place : Long Khanh village, Cai Lay
 (Tien Giang)

Permanent residence No. 153/8-9 Ky Dong
 Quarter 9, District 3,
 Ho Chi Minh City

Occupation Electrical technician

Ethnic group : Kinh, Nationality : Vietnamese

ID card or passport No. 022595196

Married on March 17, 1988

The wife's signature
(signed)

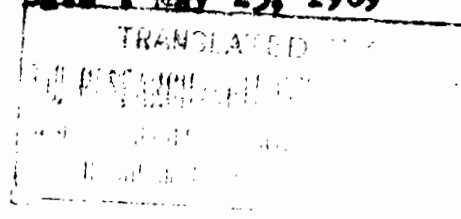
the Husband's signature
(signed)

For the People's committee of Quarter II
Tra Vinh township
The Deputy Chairman
NGUYEN VAN HEN
(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

1

ƯỠ ƯỠ MARRIAGE CERTIFICATE

1



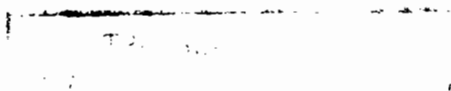
EXTRACT FROM THE REGISTER OF BIRTHS
PHU VINH VILLAGE, TRA VINH PROVINCE

No. 12

Full name of the child	TRANG THI KIM CHI
Sex	Female
Date of birth	March 02, 1959
Place of birth	Nguyet Hoa village (Vinh Binh)
Father's full name	TRANG VAN LOU
Occupation	Silversmith
Residence	Phuong Thanh village (Vinh Binh)
Mother's full name	PHAM HUE THANG
Occupation	Housewife
Residence	Phuong Thanh village (Vinh Binh)
Rank of married wife	Legitimate

(signed and sealed)

Date : May 23, 1989



UBND THỊ XÃ TRÀ VINH
PHÒNG TƯ PHÁP

QUỐC HỘI VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

AN TRẠCH LẠC BỘ KHAI SÁCH KẾ
PHỐ VINH - TỈNH TRÀ VINH

MM : 1988

HIỆU : 12

: Họ Tên Đền Trú	: TRẦN THỊ LAM CHỊ
: Họ tên	: M
: Ngày sinh	: 1 - 3 - 1959
: Nơi sinh	: Xã Nguyễn Sơn (Vĩnh Bình)
: Họ tên Cha	: TRẦN VĂN LƯU
: Nghề nghiệp của Cha	: Thợ dệt
: Nơi cư ngụ của Cha	: Xã Phương Thạnh (Vĩnh Bình)
: Họ Tên Mẹ	: PHẠM HUỆ THẠNH
: Nghề nghiệp của Mẹ	: Học trò
: Nơi cư ngụ của Mẹ	: Xã Phương Thạnh (Vĩnh Bình)
: Vợ chính hay thứ	: Vợ chính

CHỖ T DẤU CHỮ

Tạ Vinh, ngày 10 tháng 12 năm 1988

THƯỜNG PHONG TƯ PHÁP



ĐOÀN 1 PHƯƠNG

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ
République du Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH-BÌNH

TỐI - CAO PHÁP - VIỆN
(Cour Suprême)

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH nguyệt-hóa (vinh-bình)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1959
(Année)

SỐ HIỆU 12
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Trang-thị-kim-Chi</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>nữ</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>ngày hai, tháng ba, dương lịch, năm một</u> <u>ngàn chín trăm năm mươi chín</u> <u>xã nguyệt-hóa (vinh-bình)</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Trang-văn-Lưu</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>thợ bạc</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>xã phương-thạnh (vinh-bình)</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Phạm-huê-Thăng</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>nội-trợ</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>xã phương-thạnh (vinh-bình)</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>vợ-chánh</u>

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

vinh-bình, ngày 24 / 3 / 1959
CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF

(1) nhận cổ bỏ một chữ

Phạm Vũ Thường

PHẠM VŨ-THƯỜNG

Giá tiền: 15.000
(Coût)

Biên-lai số: 1436/5Ks/T
(Quittance N°)

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),



PEOPLE'S COMMITTEE
QUARTER :
DISTRICT : 3
CITY : SAIGON

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

TP/HT
No. 3277
Volume No.

(1) COPY OF BIRTH CERTIFICATE

Full name : NGUYEN THUONG TIEN Sex : Male
Date of birth : April 04, 1956, at 06:50
Place of birth : Saigon, 65 Dinh Cong Trang
Ethnic group : Nationality :

: Declarations about :
: parents. : MOTHER : FATHER :

: Full name : VUONG CAM VAN : NGUYEN THUONG CHI :
: Age : 34 years old : 36 years old :
: Ethnic group : :
: Nationality : // :
: Occupation : Merchant : Indirect tax office at :
: : : the Ministry of Finance :
: Permanent residence : Saigon, 08 Ky Dong :

Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant:
NGUYEN THUONG CHI

The declarant

Registered on April 06, 1956
For the People's committee
(signed)

CERTIFIED TRUE COPY

December 15, 1988

For the People's committee

(FISCAL STAMP)

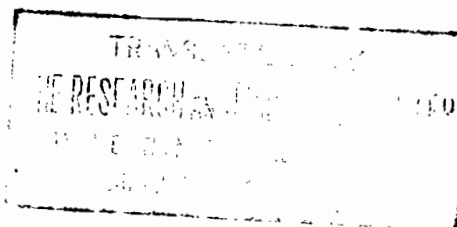
DANG THI THUY

(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 355/89

Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã phường.....

Huyện, Quận.....

Tỉnh, Thành phố **Saigon**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số **3277**

Quyền



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên..... **NGUYỄN THƯƠNG TIẾN** Nam hay Nữ..... **NAM**

Ngày, tháng, năm sinh.....

04 Tháng 04 năm 1956, 06h30'

Nơi sinh..... **Saigon, 62 Đinh Công Tráng**

Dân tộc..... Quốc tịch.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Vương Cẩm Văn	Nguyễn Thương Chí
Tuổi	34T	36T
Dân tộc	7	7
Quốc tịch	Độc lập	Độc lập
Nghề nghiệp	Đoàn bán	Giám thu tại bộ Tài Chính
Nơi thường trú	Saigon, 18 Lý Thường Kiệt	Saigon, 18 Lý Thường Kiệt

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thương Chí

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày..... **06** tháng..... **04** năm 19..... **56**

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Cá ký

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH th

Ngày..... **15** tháng..... **12** năm..... **1988**

T/M UBND KY TÊN ĐÓNG DẤU

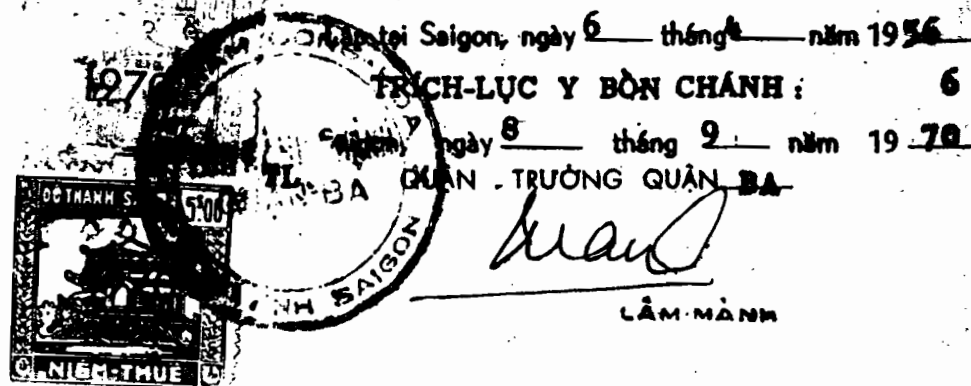


Số hiệu: 3277

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu (1956)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn thượng Tiến
Phái	Nam
Ngày sanh	Bốn tháng tư năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu,
Nơi sanh	Saigon, 65 Đinh công Tráng
Tên, họ người Cha. . .	Nguyễn thượng Chí
Tuổi	Ba mươi sáu
Nghề-nghiệp	lâm thu tại Bộ Tài chính
Nơi cư-ngụ	Saigon, 8 Kỳ Đồng
Tên, họ người mẹ . . .	Vương cảm Văn
Tuổi	Ba mươi bốn
Nghề-nghiệp	Buôn bán
Nơi cư-ngụ	Saigon, 8 Kỳ Đồng
Vợ chánh hay thứ . .	Vợ chánh



PEOPLE'S COMMITTEE

QUARTER :

DISTRICT :

CITY : STSC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

(COPY OF BIRTH CERTIFICATE)

TP/HT

No. 1040A

Volume No.

Full name : NGUYEN NGOC TUYET Sex : Female
Date of birth : The twenty-eighth of January, nineteen hundred
and fifty-two.
Place of birth : Saigon, 65 Calmette street
Ethnic group : Nationality :

: Declarations about :
: parents. : MOTHER : FATHER :

: Full name : VUONG CAM VAN : NGUYEN THUONG CHI :
: Age : : :
: Ethnic group : -4- :
: Nationality : : :
: Occupation : Housewife : Secretary :
: Permanent residence : Saigon, 8 Redemptoristes street :

Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant.
DUNG LIEN MUOI, 31 years old

The declarant

Registered on January 30, 1952
For the People's committee

CERTIFIED TRUE COPY

January 7, 1989

For the People's committee of Ho Chi Minh City
The Deputy chief of the secretariat

PHAN KIM THAO

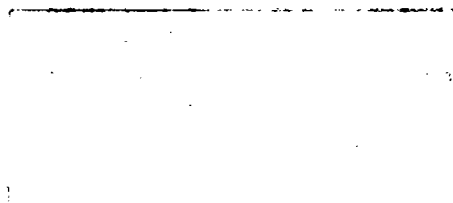
(FISCAL STAMP)

(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/H.T

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 10404
Quyền

K xã phường

Huyện, Quận

Tỉnh, Thành phố 8786



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên 0023 NGUYỄN VĂN NAM hay Nữ nữ

Ngày, tháng, năm sinh 01/01/1961 tại tỉnh Quảng Nam một lần hai

Nơi sinh Sài Gòn, 5 đường Calmette

Dân tộc Quốc tịch

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	VƯƠNG CẨM VÂN	NGUYỄN HƯNG CHÍ
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	học trò	thợ kỹ
Nơi thường trú	Sài Gòn, 5 đường Calmette	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Đương diện học trò

Đăng ký ngày 30 tháng 1 năm 1961

Người đứng khai ký

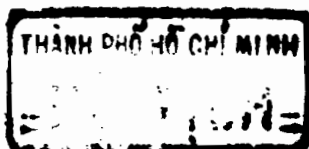
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 7 tháng 1 năm 1961

T/M UBND TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH



BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

SAIGON

(NAM-PHÂN;
(Sud Việt-Nam)

NĂM 1952
(Année)

SỐ HIỆU 1040-A
(Acte No)

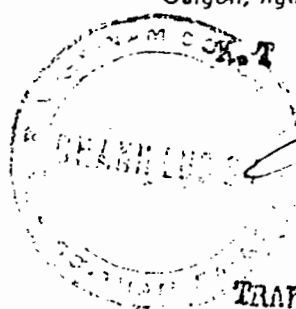
Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN NGỌC TUYẾT
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	28-1-1952
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Saigon, 65 đường Calmette
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYỄN THƯỜNG CHÍ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	thợ kỹ
Nhà của ở đâu (Son domicile)	Saigon, 8 đường Rédemptoristas
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	VUÔNG CẨM VÂN
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	nội trợ
Nhà của ở đâu (Son domicile)	Saigon, 8 đường Rédemptoristas
Vợ chính hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi
Nous
được Chánh-án Tòa Saigon u.n.
Président du Tribunal
chứng cho hợp - pháp chữ ký của
Certifions l'authenticité de la signature de

CHÍNH LỤC-SỰ
Chánh Lục-sự Tòa-án Sở tại.
Greffier en chef du dit tribunal
Saigon, ngày 7-4-1952
T.U.N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÂN,

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Saigon, ngày 7-4-1952
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



TRẦN THỊ CẨM

Giá tiền : 15
(Coût)
Đặt-lai số
(Quittance No) 2634

PEOPLE'S COMMITTEE
QUARTER :
DISTRICT :
CITY : SAIGON

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

() COPY OF BIRTH CERTIFICATE

SE/NT
No. 9024 bis
Volume No.

Full name : NGUYEN NGOC OY Sex : Female
Date of birth : The twentieth of November, nineteen hundred
and forty-nine (November 20, 1949)
Place of birth : Saigon, 65 Calmette street
Ethnic group : Nationality :

: Declarations about :
: parents. : MOTHER : FATHER :
:-----
: Full name : VUONG CAM VAN : NGUYEN THUONG CHI :
: Age : : :
: Ethnic group : : :
: Nationality : : :
: Occupation : None : Secretary :
: Permanent residence : Saigon, Redemptoristes street :
:-----

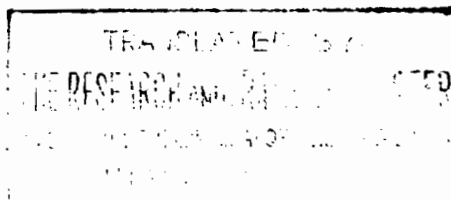
Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant.
Her father, 29 years old

The declarant Registered on November 22, 1949
for the People's committee

CERTIFIED TRUE COPY
January 9, 1989
For the People's committee
The Deputy chief of the secretariat
PHAN KIM THAO
(signed and sealed)

(FISCAL STAMP)

Translated from the original written in Vietnamese
File No. 855/89
Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Kā phường

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....9024B18

Huyện, Quận

Quyền

Tỉnh, Thành phố Saigon



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên.....**NGUYỄN HOÀNG CỎ**..... Nam hay Nữ.....**NỮ**.....
Ngày, tháng, năm sinh.....**Ngày hai mươi tháng mười một, năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (20.11.1949)**.....
Nơi sinh.....**Saigon, 65 đường Collette**.....
Dân tộc..... Quốc tịch.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN THỊ QUỲ CHỈ
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	không nghề	thợ dệt
Nơi thường trú	Saigon, đường Nidermeyer	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

cha khai, 29 tuổi

Đăng ký ngày.....**22** tháng.....**11** năm 19.....**49**

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....**9** tháng.....**1** năm.....**1969**

T/M UBND BÝ TÊN ĐÓNG DẤU



Bản số: 9024bis

★

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

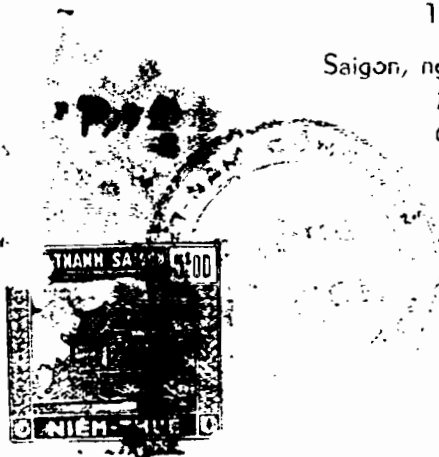
Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn Ngọc Cơ
Phái	féminin
Ngày sanh	le vingt Novembre mil neuf cent quarante neuf à 22h35
Nơi sanh.	Saigon, 65 rue Calmette
Tên, họ người Cha.	Nguyễn Thương Chí
Nghề-nghiệp.	secrétaire
Nơi cư-ngụ	Saigon rue Rédemptoristes
Tên, họ người Mẹ	Vương Cẩm Vân
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, rue Rédemptoristes
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH: E.4

Saigon, ngày 29 tháng 7 năm 1974 -

T.U.N. ĐỒ TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SƯ PHÒNG HỘ-TỊCH



luc

KHÔNG-TUYỂN-CHỌN

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

(1) COPY OF MARRIAGE CERTIFICATE

The husband The wife Registered on March 25, 1989
 (signed) (signed) For the People's committee of
 Quarter 9, District 3.

(signed and sealed)

Date : May 23, 1989



Xã, Thị trấn PC

BẢN SAO

Thị xã, Quận 3

Thành phố, Tỉnh HCM

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 34

Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>NGUYỄN THƯỢNG CHÍ</u>	<u>VƯƠNG CẨM VÂN</u>
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	<u>25-7-1920</u>	<u>27-3-1922</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>thư ký</u>	<u>nội trợ</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>153/8-9</u> <u>Kỳ đông</u>	<u>153/8-9</u> <u>Kỳ đông</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>022241745</u>	<u>020604608</u>

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký ngày 25 tháng 3 năm 89

TM/UBND PC/3

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên, chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 tháng 3 năm 89



Dấu (Chức vụ, họ tên, chức vụ)

[Signature]
Đinh Thị Thu

MARIAGE DU 1^{er} DEGRÉ

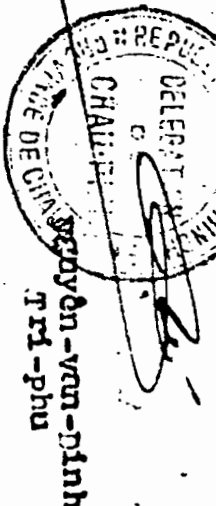
Hôn thú bậc nhứt

Số hiện 141
(1)

vu pour l'enregistrement des signatures
des notables du village de Chuphu
apposées d'autre part.

Chuphu, le 11 Décembre 1948

LES DEBUTS ADMINISTRATIF,



Nom et prénoms de l'époux Tên, họ người chồng	Nguyễn - Trường - Chi'
Sa profession Làm nghề gì	Học kỳ ở các phần Saigon
Lieu de sa naissance Sanh tại chỗ nào	Phước Long (Mỹ Tho)
Date de sa naissance Sanh ngày nào	Le 25 Juillet 1920
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Saigon
Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)	Nguyễn Văn Khuôn (sống)
Son âge Mấy tuổi	64 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Điền - chủ
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Saigon
Nom et prénoms de sa mère (indiquer s'elle est vivante ou décédée) Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói)	Cường Thị Đạo (chết)
Son âge Mấy tuổi	
Sa profession Làm nghề gì	
Son domicile Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux Tên, họ chú hôn bên trai	Nguyễn Văn Khuôn
Son âge Mấy tuổi	64 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Điền - chủ
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Saigon
Nom et prénoms de l'épouse Tên, họ người vợ	Trường Cẩm Tân
Son rang de femme mariée Vợ của ai hay là vợ thứ	Vợ chánh
Sa profession Làm nghề gì	hôn tộ
Lieu de sa naissance Sanh tại chỗ nào	Đa Phước (Châu Đức)
Date de sa naissance Sanh ngày nào	ngày 24 Mars 1922
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Châu Đức (Châu Đức)
Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)	Trường Văn Tân (sống)
Son âge Mấy tuổi	46 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Cai tổng Châu Đức (Châu Đức)
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Châu Đức (Châu Đức)

(1) Marge réservée pour la mention en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lễ chưa để
vợ đến ăn toa cưới
giấy hôn thú

Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói)	Trần - thi - Chôn
Son âge. — Mấy tuổi	45 - tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì .	nội trợ
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Châu Phú (Chau Doc)
Nom et prénom de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse. Tên, họ chủ hôn bên gái.	Vương - Bửu - Diên
Son âge. — Mấy tuổi.	46 tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì .	Giáo sư Châu Phú (Chau Doc)
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu .	Châu Phú (Chau Doc)
Nom et prénom de l'entremetteur du mariage. Tên, họ người làm mai	
Son âge. — Mấy tuổi.	
Sa profession. — Làm nghề gì .	
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu .	
Nom et prénom du 1 ^{er} témoin. Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Kỳ
Son âge. — Mấy tuổi.	48 tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì .	Canh nông Văn
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Châu Phú (Chau Doc)
Nom et prénom du 2 ^e témoin. Tên, họ người chứng thứ nhì	Vương - Quang - Bửu
Son âge. — Mấy tuổi	39 tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì .	Giáo sư Văn (Chau Doc)
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Châu Phú (Chau Doc)

Chứng Kiến

Họ thân Ông Nguyễn Văn Kỳ

Họ bà 1911/11/11

Ka tương LANG
CHAU DOC

Par extrait conforme
Châu Phú 10-12-48
L'officier de l'état civil

Hồng

A Chau Doc, le 10 Décembre 1948
Tai Châu Phú, ngày 10 thg 12 năm 1948

Les époux,
Vợ chồng,

L'Entremetteur,
Mai nhơn,

Les pères et mères,
Cha mẹ hai bên,

Ký tên Nguyễn Văn Kỳ
Vương - Bửu - Diên

Ký tên Nguyễn Văn Kỳ
Vương - Bửu - Diên
Trần - thi - Chôn

L'Officier de l'Etat-Civil, Les personnes qui ont procédé au mariage.
Chức việc coi bộ đời, Các người chủ hôn,

Les Témoins,

Ký tên Hà Văn Bổng

Nguyễn Văn Kỳ
Vương - Bửu - Diên

Nguyễn Văn Kỳ
Vương - Bửu - Diên

NOTA. Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.
Phải nhớ. Chỗ trống không dùng tới thì phải kéo một nét.

AN GIANG PEOPLE'S COMMITTEE
JUDICIARY SERVICE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

No. 07/XN.TP

Long Xuyen, January 07, 1989

E XTRACT OF CONFIRMATION ACT AFFIDAVIT SUEB IN LIEU
OF BIRTH CERTIFICATE

- Referring to petition of Mr. Mrs. **VUONG CAM VAN**, born in 1922, residing at No. 153/8_9 Ky Dong street, Quarter 9, District 3, Ho Chi Minh City, requesting the Judiciary service to issue extract of Birth certificate or Affidavit used in lieu of Birth certificate for herself, named **VUONG CAM VAN**.

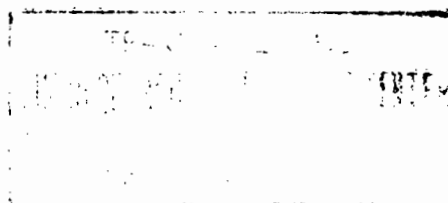
An Giang Judiciary service has proceeded to extract civil status documents which The Service has kept on file. Here is the result :

Full name : **VUONG CAM VAN** Sex : Female
Born on : March 27, 1922 (The twenty-seventh day of March nineteen hundred and twenty-two) at Da Phuoc village, Chau Doc Province.
Father's full name : **VUONG BUU DIEM** , born in
Occupation : // Residence : //
Mother's full name : **TRAN CHI THON** , born in
Occupation : // Residence : //
Was established the Affidavit used in lieu of birth certificate on July 30, 1952 at the Peace court with extended competence Chau Doc, under No. 198, volume : signed by Mr. **DOAN BA LOC**, function : Presiding Judge.

Now An Giang Judiciary Service confirms the foregoing for the person concerned as a proof so that she can obtain copies of it at her locality if necessary.

Judiciary Service An Giang
The Director
PHAM VAN NGHIA
(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese
File No. 855/89
Date : May 23, 1989



UBND TỈNH AN GIANG

SỞ TƯ PHÁP

Số 07/XN.TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Xuyên, ngày 07 tháng 01 năm 1989

BAN XÁC NHẬN

TRÍCH LỤC KHAI SINH hoặc ÁN THỂ VI KHAI SINH

- Căn cứ vào đơn xin trích lục khai sinh hoặc án thể
vi khai sinh của ông, bà. Vương Cẩm Vân Sinh 1922
Hiện thường trú. 153/8-9 đường Xô Viết, P.9, Q.3,
thị trấn phố Hồ Chí Minh.
Làm đơn xin trích lục cho d/s. Tên Vương Cẩm Vân
Sở tư pháp An Giang đã tiến hành trích lục hồ sơ hộ tịch,
mà Sở tư pháp đang quản lý. Kết quả như sau:

Họ và tên. VƯƠNG CẨM VÂN Nam-Nữ nữ lưu
Sinh ngày 27 tháng 03 năm 1922 (hai mươi bảy, tháng ba,
năm một chín hai hai) Tại làng Đa Phước, tỉnh Châu Đốc
Cha Vương Bửu Điện Sinh năm 1911
Nghề nghiệp //////// Cư trú tại ////////
////////

Mẹ Trần Thị Chón Sinh năm 1911
Nghề nghiệp //////// Cư trú tại ////////
////////

Đã lập khai sinh, hoặc án thể vi khai sinh ngày 30
tháng 07 năm 1952 Tại Tòa HGR, Châu Đốc Số hiệu 198
quyển số Do ông Đoàn Bá Lộc Chức vụ Chính án K

Nay Sở tư pháp An Giang xác nhận cho đương sự làm cơ
sở về nơi thường trú, để lập bản sao giấy khai sinh khi cần
thiết

SỞ TƯ PHÁP AN GIANG
Giám đốc



Phạm Văn...

NAISSANCE

Số hiệu (1) 7

Sanh

Nom et prénoms de l'enfant. Tên họ đứa con nít	Đường cảm Văn
Son sexe Nam, nữ	Nữ
Date de sa naissance Sanh ngày nào	Le 27 Mars 1922
Lieu de sa naissance Sanh tại chỗ nào	Daphuoc
Nom et prénoms de son père (pour les enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi).	Đường bình Diên
Sa profession Cha làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Nom et prénoms de sa mère. Tên, họ mẹ	Trần Thị Chôn
Sa profession Mẹ làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Nom et prénoms du déclarant Tên, họ người khai	Đường bình Diên
Son âge Mấy tuổi	20 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Sanh
Son âge Mấy tuổi	23 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Làm rẫy
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Nguyễn Văn Lân
Son âge Mấy tuổi	19 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Làm ruộng
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc

Vu pour l'égulation des étendues des notables du village de Daphuoc apposées ci-contre.
Chapuy le 1er Décembre 1948.
Le Del et le notaire et notaire.



ME-VAN-DINH
TTE-9-10.

Chứng thực:
Daphuoc le 30 Novbre 1948
Thường thư: [Signature]
Thường hào: [Signature]
Xã trưởng: [Signature]

(1) Marge réservée pour la mention en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lê chưa để lược biên án toa cải giấy khai sanh lại.

A Chaudoc, le 27 Mars 1922
Tại Daphuoc, ngày 27 tháng 3 1922 (âm lịch)

Le Déclarant, l'Officier de l'Etat Civil
Người khai Chức việc coi bộ đời

Les témoins,
Các người chứng

Ký tên: Đường bình Diên

Ký tên: [Signature]

Ký tên: Ng. Văn Sanh
Ng. Văn Lân

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.

Pải nhớ. — Cho trống không dùng tới thì phải kéo một nét.

Sao lục y theo bộ Sanh.
Daphuoc le 30 Novembre 1948
Chánh lục bộ: [Signature]

II. GIẤY HỘ TỊCH

Vital Statistic RECORDS

Birth Certificates : 7

Death Certificate : 1

Marriage Certificate : 2

Long Xuyen, January 07, 1989

E XTRACT OF CONFIRMATION ACT AFFIDAVIT USED IN LIEU
OF BIRTH CERTIFICATE

- Referring to petition of Mr, Mrs. **VUONG CAM VAN**, born in 1922, residing at No. 153/8-9 Ky Dong street, Quarter 9, District 3, Ho Chi Minh City, requesting the Judiciary service to issue extract of Birth certificate or Affidavit used in lieu of Birth certificate for **VUONG NGOC HAP**.

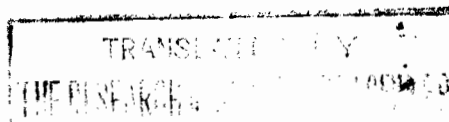
An Giang Judiciary service has proceeded to extract civil status documents which The Service has kept on file. Here is the result :

Full name : **VUONG NGOC HAP** Sex : Male
Born on : April 20, 1942 (The twentieth day of April nineteen hundred and forty-two) at Da Phuoc village, Chau Doc Province.
Father's full name : **VUONG BUI DIEN**
Occupation : // Residence : //
Mother's full name : **TRAN THI CHON**
Occupation : // Residence : //
Has established the Affidavit used in lieu of birth certificate on July 30, 1952 at the Peace court with extended competence Chau Doc under No. 198, volume : signed by Mr. **DOAN BA LOC**, function : Presiding Judge

Now An Giang Judiciary Service confirms the foregoing for the person concerned as a proof so that he can obtain copies of it at his locality if necessary.

Judiciary Service An Giang
The Director
PHAM VAN NGHIA
(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese
File No. 855/89
Date : May 23, 1989



*Mr. **VUONG NGOC HAP** or **HAP-NGOC-VUONG**
is my Brother-in-Law -
He sponsors my family for a reunification*

UBND TỈNH AN GIANG

SỞ TƯ PHÁP

Số 05 /XN.TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long xuyên, ngày 07 tháng 01 năm 198 9

BẢN XÁC NHẬN

TRÍCH LỤC ~~XXXX/XXXX/XXXX/XX~~ THE VI KHAI SINH

-----//-----

- Căn cứ vào đơn xin trích lục khai sinh hoặc ấn thể
vì khai sinh của ông, bà. Vương Cẩm Vân Sinh 19 22
Hiện thường trú. 153/B-9 đường Kỳ Đồng, P.9, Q.3.

thành phố Hồ Chí Minh.

Làm đơn xin trích lục cho em 'Tên Vương Ngọc Hạp
Sở tư pháp An giang đã tiến hành trích lục hồ sơ hộ tịch,
mà Sở tư pháp đang quản lý. Kết quả như sau:

Họ và tên. VƯƠNG NGỌC HẠP Nam-Nữ nam nhi
Sinh ngày 20 tháng 04 năm 1942 (ngày hai mươi, tháng tư,
năm một chín bốn hai) Tại làng Đa Phước, tỉnh Châu Đốc

Cha Vương Bửu Diệp ~~XXXXXXXXXXXX~~
Nghề nghiệp //////////////// Cư trú tại ////////////////
////////////////

Mẹ Trần Thị Chấn ~~XXXXXXXXXXXX~~
Nghề nghiệp //////////////// Cư trú tại ////////////////
////////////////

Đã lập ~~khai sinh~~ hoặc ấn thể vì khai sinh ngày 30
tháng 07 năm 19 52 Tại Tòa HGRQ Châu Đốc Số hiệu 198
quyển số Do ông Đoàn Bá Lộc Chức vụ Chánh án

Nay Sở tư pháp An giang xác nhận cho đương sự làm cơ
sở về nơi thường trú, để lập bản sao giấy khai sinh khi cần
thiết

SỞ TƯ PHÁP AN GIANG
Giám đốc



Trần Văn...

NAISSANCE

Sanh

Số hiệu 22
(1)

Nom et prénoms de l'enfant. Tên họ đứa con nít	Đường Ngọc Hạp
Son sexe Nam, nữ	Nam
Date de sa naissance Sanh ngày nào	Le 20 Avril 1942 (sanh đôi lúc 4 giờ 15 sáng)
Lieu de sa naissance Sanh tại chỗ nào	Daphuoc
Nom et prénoms de son père (pour les enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	Đường Bình Diên
Sa profession Cha làm nghề gì	Diên chủ
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Nom et prénoms de sa mère Tên, họ mẹ	Trần Thị Chôn
Sa profession Mẹ làm nghề gì	Diên chủ
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Nom et prénoms du déclarant Tên, họ người khai	Đường Bình Diên
Son âge Mấy tuổi	40 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Diên chủ
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Phan Văn Đại
Son âge Mấy tuổi	40 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Hiông quan
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Nguyễn Kim Luân
Son âge Mấy tuổi	37 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Hiông thày
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Daphuoc

(1) Marge réservée pour la mention en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chứa để lược biên án toa cải giấy khai sanh lại.

A Chau Doc, le 20 Avril 1942
 Tại Daphuoc, ngày 10 tháng ba 1942 (âm lịch)

Le Déclarant
 Người khai

L'Officier de l'Etat Civil
 Chức việc coi bộ đời,

Les témoins,
 Các người chứng

Đường Bình Diên

Đỗ Văn Tạc

Phan Văn Đại
 Nguyễn Kim Luân

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.

Phải nhớ. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

Sao lục y theo bộ sanh

Chau Doc le 30 mars 1949

P. Chánh lục hồ, Đỗ Văn Tạc

QUARTER : 9
DISTRICT : 3
CITY : HO CHI MINH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness TP/HT
No. 89
((COPY OF BIRTH CERTIFICATE Volume No. 01

Full name NGUYEN THUONG CHI Sex : Male
Date of birth July 25, 1920
Place of birth Phu Long village, My Tho
Ethnic group : Kinh Nationality: Viet Nam

Declarations about	MOTHER	FATHER
parents.		
Full name	TRIEU THI DAO	NGUYEN VAN KHUON
Age		
Ethnic group	Kinh	Kinh
Nationality	Vietnamese	Vietnamese
Occupation	Cultivator	Cultivator
Permanent residence	deceased	deceased

Full name, age, permanent residence, ID card No. of the declarant:
NGUYEN THUONG CHI

Registered on March 25, 1989

The declarant

For the People's committee of Quarter 9
District 3

CERTIFIED TRUE COPY

March 25, 1989

For the People's committee of Quarter 9, District 3

DINH THI PHI

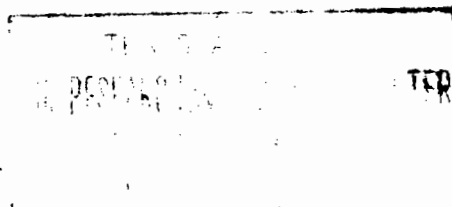
(FISCAL STAMP)

(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường 9

Huyện, Quận 3

Tỉnh, Thành phố HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT

Số 89

Quyển 02



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THƯỢNG CHÍ Nam hay nữ nam

Ngày, tháng, năm, sinh 25 - 7 - 1920

Nơi sinh Làng Phú Long, Mỹ Tho

Dân tộc kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>TRIỆU THỊ ĐẠO</u>	<u>NGUYỄN VĂN KHUÔN</u>
Tuổi		
Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>làm ruộng</u>	<u>làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>chết</u>	<u>chết</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thượng Chí

Đăng ký ngày 25 tháng 3 năm 19 89

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P9/Q3

Người đứng khai

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 tháng 3 năm 1989

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P9/Q3



Đinh Phú Phú

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA DINH TUONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Phú Long (MYTHO)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1920 SỐ HIỆU 20
(Année) (Acte N°)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THUONG CHI
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Con trai
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 25 Juillet 1920
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Làng Phú Long
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN KHUON
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Phú Long
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	TRIEU THI DAO
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Phú Long
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vo chanh

Chúng tôi, ~~NGUYEN KHAC DUNG~~
(Nous)

Chánh-án Tòa ~~DINH TUONG~~
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông ~~NGUYEN HUYNH BINH~~
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

DINH TUONG, ngày 21 / 7 / 1958

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

DINH TUONG, ngày 21 / 7 / 1958
CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT)

Giá tiền : — 1.500
(Cout)
Biên-lai số : 13416
(Quittance n°)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

No. 22

: Full name of the deceased :		TRINH THI NHU
: Sex :		Female
: Date of birth :		1924
: Place of birth :		Tan An Phong Dinh
: Permanent residence :		Tan An, Phong Dinh
: Date of death :		September 10, 1944
: Place of death :		Tham Tuong, Tan an, Phong Dinh
: Cause of death :		died of disease
: Full name, age of the declarant. :		NGUYEN THONG CHI
: Permanent residence :		Tan An, Phong Dinh
: relationship to the deceased:		Husband

(FISCAL STAMP)

RECEIVED
JAN 10 1964
U.S. DEPARTMENT OF AGRICULTURE
WASHINGTON, D.C.

my former wife TRINH-THI-NHUI
(DEAD IN 1944)

TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Số 22

Năm 1944

Họ và tên người chết Nam hay nữ	<u>TRINH THỊ NHỰ</u> <u>NỮ</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>Năm 1924</u>
Nơi sinh	<u>Tân an Phong đình</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tân an Phong đình</u>
Ngày, tháng, năm chết Nơi chết	<u>Ngày 10 tháng 9 năm 1944</u> <u>Thị trấn, Tân an, Phong đình</u>
Nguyên nhân chết	<u>Bệnh chết</u>
Họ, tên, tuổi người báo tử Nơi ĐKNK thường trú	<u>Nguyễn thượng Chá</u> <u>Tân an, Phong đình</u>
Quan hệ với người chết	<u>Chồng</u>

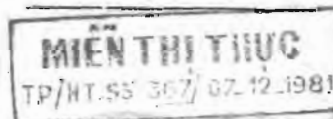
Hậu Giang, ngày 15 tháng 02 năm 1989

TM / U.B.N.D. TỈNH HẬU GIANG
ỦY VIÊN HỘ TỊCH



Nguyễn Chương

Đăng ký, ngày 10 tháng 9 năm 1944



- III - CĂN CƯỚC 4
- CHỨNG MINH
NHÂN DÂN 6
- ảnh 4x6 6
- Hộ khẩu 2,

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC Số 81061279

Họ Tên NGUYỄN-NGỌC-CU

Ngày, đời sinh 20-11-1949

Chỗ sinh Saigon

Chợ Nguyễn-Trung-Giá

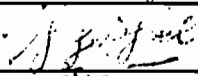
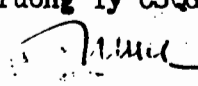
Phước-Cam-Vân

Chỉ 153/B Kỳ-Dương Saigon





NGUYỄN THỊ LIÊN

Dấu vết riêng: Chạm sọc C/1 dưới dấu mắt trái.		Cao: 1 th51	
		Nặng: 45 Kg	
Chữ ký đương sự: 		Ngón trỏ mắt	
Saigon, ngày 26-03-1969 TUN.GIAM-ĐOC CẢNH-SẢNH Trưởng Ty CSQG Quận Ba 			
NGUYỄN-VĂN-CHI			

Căn cứ

ID cards = 4

Của C3
TUYẾT
TIẾN
KIM CHI

ID của

- NGUYỄN THƯỜNG-CHI

SS' 00905769 ngày 10 March 1969

Trái cài táo quí?

- VƯƠNG CẨM VÂN

SS' 00905761 ngày 10 March 1969

bị thất lạc.

REPUBLIC OF VIET NAM

Identity card

No. 00853876

:-----:	Full name	NGUYEN NGOC CO
:	Date and	November 20, 1949
: PHOTO :	place of birth	Saigon
:	Father	NGUYEN THONG CHI
:	Mother	VUONG CAM VAN
:-----:	Address	153/8 Ky Dong, Saigon

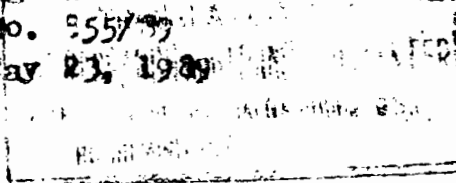
(VERSO)

Special marks :	: Height :	1m51
Spotted scar at 1 cm below	: - - - - -	
the left eyehead	: Weight :	45 kg
Signature of the bearer :	: - - - - -	
signed	: Right :	
Saigon, March 26, 1969	:Fore- : Fingerprint	
By delegation of the Director	: finger :	
of National Police	: - - - - -	
Chief of District 3 National	: Left :	
Police	: Fore- : Fingerprint	
NGUYEN VAN CHI	: finger :	
(signed and sealed)	: - - - - -	

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 8557/92

Date : May 21, 1989



500

431
19
37

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THE CÁN-CƯỚC

Số 00857360

Họ Tên **NGUYỄN VĂN AN**

Ngày, nơi sinh **28-01-1952**

Y **Sinh viên**

Chia **Nguyễn Văn An**

Mẹ **Vương Văn Yên**

Địa chỉ **153/8 Kỳ Đồng, Sg**



Đầu vết riêng: Tàn nhang C/4
bên cánh mũi trái.-

Cao: 1 m 48

Nặng: 37 Kg

Chữ ký đương sự:

Saigon, ngày 20.03.1969
TUN. GIÁM ĐỐC CẢNH-SÁT QGĐT
Trưởng Ty CSQG Quận Ba

NGUYỄN-VAN-CHI

REPUBLIC OF VIET NAM

No. 00853360

IDENTITY CARD

-----	:	Full name	NGUYEN NGOC TUYET
:	:	Date and	January 28, 1952
:	:	place of birth	Saigon
PHOTO	:		
:	:	Father	NGUYEN THUYONG CHI
:	:	Mother	VUONG CAM VAN
-----	:	Address	153/8 Ky Dong, Saigon

(VERSO)

Special marks :	:	Height :	1m48
Freckle at 4cm on the left	:		
nose wing	:	Weight :	37 kg
	:		
Signature of the bearer :	:		
signed	:	Right :	
	:	Fore- :	Fingerprint
Saigon, March 20, 1969	:	finger :	
By delegation of the Director	:		
of National Police	:		
Chief of District 3 National	:		
Police	:	Left :	
NGUYEN VAN CHI	:	Fore- :	Fingerprint
(signed and sealed)	:	finger :	
	:		

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

Số 481
CỘNG NHẬN GIỒNG Y BẢN CHÍNH
Xét trình tại UBND Phường 9.Q3
Ngày 19/11 năm 1982



NGUYỄN THỊ LIÊM

VIỆT NAM CỘNG HÒA
THE CAN-CƯỚC

Số 07459378

Họ Tên NGUYỄN THƯỢNG TIẾN

Ngày sinh 01.01.1956

SAIGON

Cha NGUYỄN THƯỢNG CHÍ

Mẹ TƯỜNG GÁM VÂN

Địa chỉ 151/8/9 KỶ LƯƠNG SAIGON

A black and white portrait of a man with short dark hair, wearing a light-colored uniform with a dark collar and a small emblem on the left chest. The portrait is set within a rectangular frame on the left side of the ID card.

Chú ý riêng:

Tên: **nhang cách 3 dưới sau**
mất T.

Cao: **1.59**

Nặng: **40** Kg

Chữ ký đương sự:

SAIGON ngày **09.01.** 19**71**

TUN. GIAM ĐỐC CẢNH SÁT QGDH
PHÓ TRƯỞNG TỶ CSQ QUÂN 3

HỒ KIẾN HẬU

Nghĩa trở mặt

Nghĩa trở trái

REPUBLIC OF VIET NAM
IDENTITY CARD

No. 0769376

-----: Full name NGUYEN THUONG TIEN
: Date and April 04, 1956
: place of birth Saigon
: PHOTO :
: Father NGUYEN THUONG CHI
: Mother VUONG CAM VAN
:-----: Address 153/8/9 Ky Dong, Saigon

(VERSO)

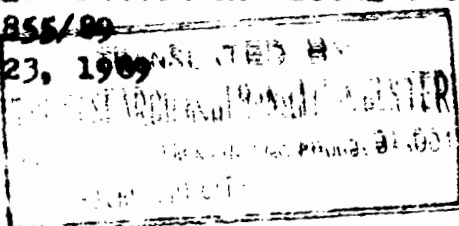
Special marks : : Height : 1m59
Freckle at 3cm below the :
left eyebrow tail : Weight : 40 kg

Signature of the bearer : :
signed : Right :
----- : Fore- : Fingerprint
Saigon, January 09, 1971 : finger :
By delegation of the Director : :
of National Police :-----
Deputy chief of District 3 : Left :
National Police : Fore- : Fingerprint
DO KIEN MAU : finger :
(signed and sealed) : :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

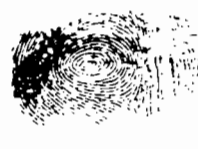
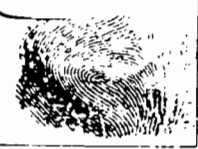
Date : May 23, 1989

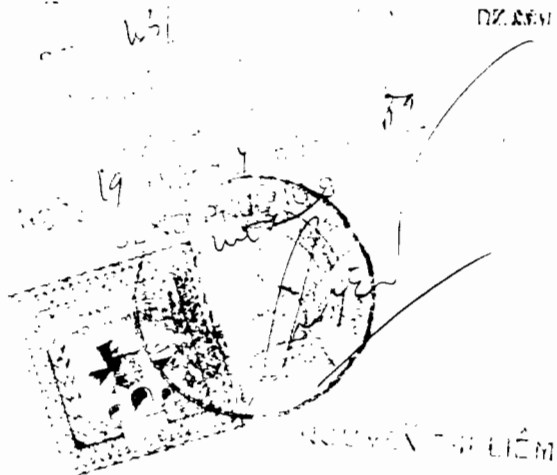


VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC Số 11008050

Họ Tên TRANG-THỊ-KIM-CHI

 Ngày, nơi sinh 02-03-1959
Ta Nguyệt-Hoa, VINH-BÌNH
 Cha Trang-văn-Lưu
 Mẹ Phạm-Huê-Thăng
22 Nguyễn-văn-Thinh, VINH-BÌNH

Dấu vết riêng: <u>Nốt ruồi, bên phải</u>		Cao. 1 lĩ <u>57</u>
<u>môi trên.</u>		Nặng: <u>40</u> Kg
Chữ ký đương-sự: <u>Chi</u>	Ngón trỏ mặt  Ngón trỏ trái 	
<u>VINH-BÌNH, ngày 18-02-1974</u> <u>CHỈ-HUY TRƯỞNG C.S.Q.G</u> <u>NGUYỄN-NGỌC-PHÚC</u>		



REPUBLIC OF VIET NAM
IDENTITY CARD

No. 11008059

:-----:	Full name	TRANG THI KIM CHI
:	Date and	March 02, 1959
:	place of birth	Nguyet Hoa village,
: PHOTO :		Vinh Binh
:	Father	TRANG VAN LUU
:	Mother	PHAM HUE TRANG
:-----:	Address	22 Nguyen van Thinh,
		Vinh Binh

(VERSO)

Special marks :	: Height :	1m57
Mole on the upper lip, at	:-----:	
the right side.	: Weight :	40 kg
-----	:-----:	
Signature of the bearer :	:	:
signed	: Right :	Fingerprint
-----	: Fore- :	
Vinh Binh, Feb. 12, 1974	: finger :	
Chief of the National Police	:-----:	
NGUYEN WUOC PHUC	: Left :	
(signed and sealed)	: Fore- :	Fingerprint
	: finger :	
	:	:

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/85
Date : May 23, 1985

CHỨNG MINH NHÂN DÂN

đủ 6 cái

Số 437
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHỨC
Xuất trình tại UBND Phường 3. Q3
Ngày 19 tháng 4 năm 1984



NGUYEN THI LIEM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022241745

Họ tên: NGUYỄN THƯỢNG THÍ

Sinh ngày: 25-7-1920

Nguyên quán: Cai Lậy,
Tiền Giang.

Nơi thường trú: 153/8-9 Kỳ-
Đông, Li, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGƯỜI TRỐN TẠI

Tàn nhang cách lèn
dưới sau dùi máy
trái.

Khoảng 25 tháng 02 năm 1985

CHỖ ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Handwritten signature]

[Handwritten text]

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD
No. 022241745

-----: Full name NGUYEN THONG CHI
: : Date of birth July 25, 1920
: : Native place Cai Lay, Tien Giang
: PHOTO : Permanent residence 153/8-9 Ky Dong,
: : District 3, Ho Chi Minh
:-----: City

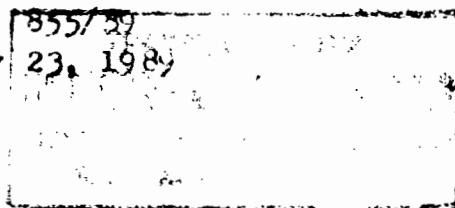
(VERSO)

Ethnic group : Kinh Religion : Buddhist

 : : Special marks or physical defect :
: Left :- - - - -
Fingerprint : Fore- : Freckle at 1 cm below the left
 : finger: eyebrow tail.
: :- - - - -
-----: : February 25, 1955
 : : For the Director or Chief of Security
: Right : Service
Fingerprint : Fore- : LE THANH VAN
 : finger: (signed and sealed)
: :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89
Date : May 23, 1989





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~030804608~~

Họ tên **VƯƠNG OANH VÂN**



Sinh ngày **27-03-1922**

Nguyên quán **Đa Phước,
Chợ Đốc, An Giang.**

Nơi thường trú **153/8/o Ky -
Đông, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.**

Số **097**
CHỨNG NHẬN GIỚI THIỆU
Xuất trình tại UBND Phường 3, Q.3
Ngày **19** tháng **4** năm **1987**
UBND PHƯỜNG 3



NGUYỄN THỊ LIÊM

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt ruồi c, 1,5cm dưới sau gò ỏi mắt trái.	
NGƯỜI TRÁI		Ngày 01 tháng 01 năm 1970	
NGƯỜI PHẢI			

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 020604608

-----:
: : Full name : VUONG CAN VAN
: : Date of birth : March 27, 1922
: PHOTO : : Native place : Da Phuoc, Chau Doc,
: : : An Giang
:-----: Permanent residence : 153/8/9 Ky Dong, District
: : : 3, Ho Chi Minh City

(VERSO)

Ethnic group : Kinh

Religion : Buddhist

: : Special marks or physical defect
: Left : - - - - -
Fingerprint : Fore- : Mole at 1.5cm below after the
: finger: left eye tail.
: : - - - - -
- - - - - : - - - - : January 04, 1979
: : For the Director or Chief of Security
: Right : Service
Fingerprint : Fore- : Chief of District 3 Security service
: finger: NGUYEN TAN GHI
: : (signed and sealed)
: :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~020240902~~

Họ tên **NGUYỄN NGỌC CỎ**

Sinh ngày **20-11-1949**

Nguyên quán **Cai Lậy,**

Tiền Giang.

Nơi thường trú **153/8-9Kỷ Đồng**

Q.3. TP. Hồ Chí Minh.



Số 481
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHẤT
Xuất trình tại UBND Phường B.C.3
Ngày 19 tháng 7 năm 1982
UBND PHƯỜNG



AN
THYÊN THỊ LIÊM

Đã đọc: Kinh Tôn giáo: Không	
NGƯỜI TRỞ TRÁI	ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC CỜ ĐINH
	Nốt ruồi 6,1,5em dưới trước đuôi mắt phải.
NGƯỜI TRỞ PHẢI	Ngày 8.11.1978
	TAM SANG TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÒNG KINH ĐỐC  <i>Trần Văn Lâm</i>

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 020240902

-----:
: : Full name NGUYEN NGOC CU
: : Date of birth November 20, 1949
: PHOTO : Native place Cai Lay, Tien Giang
: : Permanent residence 153/8 Ky Dong, District
:-----: 3, Ho Chi Minh City

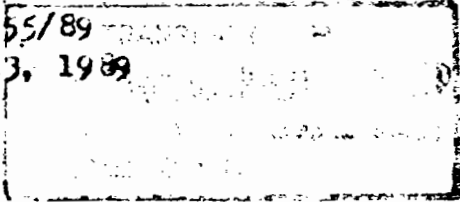
(VERSO)

Ethnic group : Kinh Religion : None

: : Special marks or physical defect :
: Left :-----
Fingerprint : Fore- : Mole at 1.5cm below in front of
: finger: the right eye tail.

-----:-----: August 24, 1978
: : For the Direct or Chief of Security
: Right : Service
Fingerprint : Fore- : The Deputy Director
: finger: NGUYEN MINH DAM
: : (signed and sealed)
: :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89
Date : May 23, 1989




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **02034233**

Họ tên: **NGUYỄN NGỌC TUYẾT**

Sinh ngày: **28-01-1952**

Nguyên quán: **Thị Xã Mỹ Tho,
Tiền Giang.**

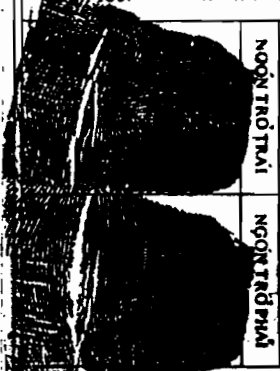
Nơi thường trú: **153/8/9 Kỳ-
Đông, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**



43/
NGUYỄN NGỌC Y BẢN CHÍNH
NGUYỄN NGỌC Y BẢN CHÍNH
Ngày 19 tháng 4 năm 1989



NGUYỄN NGỌC Y BẢN CHÍNH

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Sẹo, chấm cách 3,5cm dưới sau, cạnh mũi phải	
NGƯỜI TRÁI		NGƯỜI PHẢI	
		Kết 27 tháng 09 năm 1978  Phụ tá trưởng Chánh	

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 020342131

-----:
: : Full name NGUYEN NGOC TUYET
: : Date of birth January 28, 1952
: PHOTO : Native place My Tho township,
: : Tien Giang
:-----: Permanent residence 153/8/9 Ky Dong
District 3, Ho Chi Minh
City

(VERSO)

Ethnic group : Kinh Religion : None

: : Special marks or physical defect :
: Left :-----
Fingerprint : Fore- : Spotted scar at 3.5cm below
: finger: after the right ala.
: :-----
-----:-----: September 27, 1978
: : For the Director or Chief of Security
: Right : Service
Fingerprint : Fore- : The Deputy Director
: finger: TRAN CHINH
: : (signed and sealed)
: :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **022-B5T96**

Họ tên **NGUYỄN THƯỢNG TIẾN**

Sinh ngày **14-1956**

Ng. / an quán **Cai-Lay**

Tiêu-Giang

Nơi thường trú **153/8-9Ký-Dong**

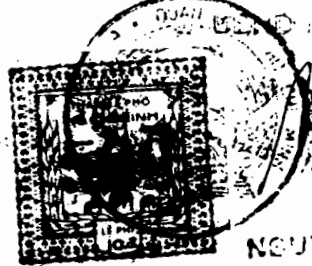
P17, Q3, Hồ Chí Minh

Số **328**
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

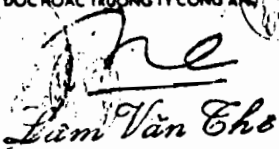
Xuất trình tại UBND Phường **1/33**

Ngày **12 tháng 12 năm 1982**

QUẢN LÝ DÂN SỐ



NGUYỄN TH. LIÊM

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: phật	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo chàm cách 0,5cm sau mép phải	
		Ngày 23 tháng 8 năm 1988	
		GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
		 Lâm Văn Thọ	

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 022595196

-----:
: :
: : Full name NGUYEN THUONG TIEN
: PHOTO : Date of birth April 04, 1956
: : Native place Cai Lay, Tien Giang
: : Permanent residence 153/8-9 Ky Dong, Quarter 7,
:-----: District 3, Ho Chi Minh
City

(VERSO)

Ethnic group : Kinh Religion : Buddhist

: : Special marks or physical defect :
: Left :-
Fingerprint : Fore- : Spotted scar at 0.5cm after the
: finger: right mouth edge.
: :

:-- --: August 23, 1988
: : For the Director or chief of Security
: Right : Service
Fingerprint : Fore- : LAM VAN THI
: finger: (signed and sealed)
: :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 360031993

Họ tên TRANG THỊ KIM CHI



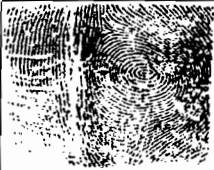
Sinh ngày 02-03-1959

Nguyên quán 22 Điện Biên Phủ

Châu Thành, Cửu Long.

Nơi thường trú 3-2, An Nghiệp

Cần Thơ, Hậu Giang.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọc tròn 0,3cm C 4cm dưới sọc quai mắt phải	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 15 tháng 03 năm 1978	
		KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỞNG TY <i>(Signature)</i> Võ Minh Chiêm	

SAO Y BẢN CHÍNH 492.57.88
 TRÀ VINH, ngày 8 tháng 1 năm 1988
 CHÁNH VĂN PHÒNG UB. D. TH. X. A
 VĂN PHÒNG
 ỦY BAN NHÂN DÂN
 THỊ XÃ
 TRÀ VINH
 TỈNH QUẢNG TRUNG
Tổ Chánh Liêm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

IDENTITY CARD

No. 360031993

-----:
: :
: PHOTO : Full name TRANG THI KIM CHI
: : Date of birth March 02, 1959
: : Native place 22 Dien Bien Phu, Chau
: : Thanh, Cuu Long.
:-----: Permanent residence 3-2 An Nghiep, Can Tho
Hau Giang

(VERSO)

Ethnic group : Kinh

Religion : None

: : Special marks or physical defect :
: Left :- - - - -
Fingerprint : Fore- : Round scar of 0.3cm at 4cm below
: finger: after the right eye tail.
: : - - - - -
- - - - - : - - - - : March 15, 1978
: : For the Director or Chief of Security
: Right : Service
Fingerprint : Fore- : Chief of Security service
: finger: HO MINH THIEN
: : (signed and sealed)
: :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

ảnh 4x6



1. NGUYỄN THƯỜNG-CHÍ



2. VƯƠNG-CẨM-VÂN



3. NGUYỄN-NGỌC-CỎ



4. NGUYỄN-NGỌC-TUYẾT



5. NGUYỄN THƯỜNG-TIẾN



và 6. TRẦN-THỊ-KIM-CHÍ

Kỷ này vì hình, gởi đư²
mới thứ 2 hôm.



1 NGUYỄN THƯỜNG-CHÍ



2 - VƯƠNG-CẨM-VÂN



3-

NGÔ NGỌC BÍCH



4

NGÔ NGỌC TUYẾT



5.

Nguyễn Hữu Tiên



6

TRẦN THỊ -
KIM-CHI

HỘ KHẨU^{^2} = 2

HOUSEHOLD CENSUS BOOKS =

1 TP. HỒ CHÍ MINH.

1 THỊ XÃ TRÀ VINH.

T-H

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: **50.1140** CN

Họ và tên chủ hộ:.....

Ấp, ngõ, số nhà:.....

Thị trấn, đường phố:.....

Xã, phường:.....

Huyện, quận:.....

Ngày **10** tháng **3** năm **1982**

Trưởng công an:.....

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



NGUYỄN-TẤN-GIỚI

Số NK:.....

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỌ

[illegible]

CHANGING OF THE WHOLE FAMILY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

⌈ CERTIFICATE OF PERMANENT RESIDENCE
HO CHI MINH CITY
No. 302140 CM

Full name of the Householder : VUONG CAN VAE

House number : 15/B - 9

Street : Ly Thang

Quarter : 17

District : 3

OTHER CHANGES

March 10, 1982

Chief of District 3 Security
Service

NGUYEN TAN CHI
(signed and sealed)

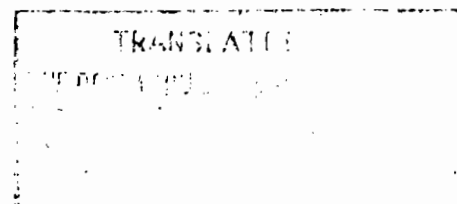
Lo. MK 5

PERMANENT RESIDENTS IN THE HOUSEHOLD

Order No.	Full name	Relationship to the household	Sex	Date of birth	ID card No.	Occupation and workplace	Registration date	Date and place of transfer	Place of residence in charge of registration
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	VUONG CAM VAN	Householder	F	1928	020604608		Oct. 1, 1976		
02	NGUYEN NGOC CU	Daughter	F	1949	080240903	Level 3, High school teacher	Oct. 1, 1976		
						On Chi			
03	NGUYEN NGOC TUYET	Daughter	F	1958	020342131	Level 3, High school teacher	Oct. 1, 1976		
						Tan Minh			
04	NGUYEN THUONG TIEM	Son	M	1956	022995196	Worker	July 24, 1981		
05	NGUYEN THUONG CHI	Husband	M	1930	022241745		Aug. 25, 1982		
								(signed and sealed)	

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89
Date: May 8, 1989



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____ _____	Chuyển đến _____ _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu
Chuyển đến _____ _____	Chuyển đến _____ _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung _____ _____	Nội dung _____ _____
Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an	Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an
Nội dung _____ _____	Nội dung _____ _____
Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an	Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an

Bản Mẫu

Mẫu số NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ: 749

Họ và tên chủ hộ: Trang Văn Lưu

Số nhà: 22 Ngõ (hẻm): 65m3

Đường phố: Đường Trần Hưng Đạo, Quận II

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: _____

Thị xã Gò Công

Tỉnh, thành phố: Long An

Ngày 24 tháng 10 năm 1988

Trưởng công an T. X. N.

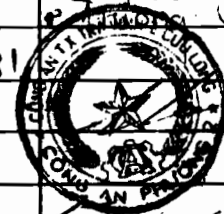
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Đài Truyền Thông

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trang Văn Lưu	1931	nam	chủ hộ	chợ bạc	330070681	01.6.77		
2	Phạm Huệ Hằng	1933	nữ	vợ	nhà trọ		01.6.77		
3	Trang Thị Kim Chi	1959	nữ	con			01.6.77	Tướng ĐH. CÁN THỎ	01.10.77
4	Trang Khoa Chi	1960	nữ	con			01.6.77	Tướng CẤP. CÁN	01.6.77 11.78
5	Trang Thanh Huyền	1962	nữ	con			01.6.77	nhà ở miễn 1981	
6	Trang Thuận Khiêm	1965	nam	con		330795352	01.6.77		
7	Trang Ngọc Cẩm	1967	nữ	con			01.6.77	nhà ở miễn	
8	Trang Minh Hùng	1972	nam	con		931018965	01.6.77	Xác Nhận	
9	Trang Bảo Trân	1975	nữ	con			01.6.77	Sao y Ban chấp	
10	Trang Thị Kim Chi	1959	nữ	con	giáo viên		11.11.81	Ngày 24-1-80	



Trang Thanh Huyền

SECOND COPY

CHANGING OF THE WHOLE FAMILY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

1

CERTIFICATE OF PERMANENT RESIDENTS
IN THE HOUSEHOLDER No. 749

2

Full name of the Householder : TRANG VAN LUY

House number : 12 Registration : 3

Street : Dien Hien Phu , Quarter II

Township : Tra Vinh

Province : Cat Long

OTHER CHANGES

October 24, 1988

Chief of Tra Vinh Township

Security service

HUI THANH LUY

(signed and sealed)

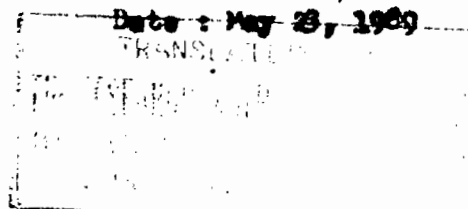
PERMANENT RESIDENTS IN THE HOUSEHOLD

Order No.	Full name	Date of birth	Sex	Relationship to the householder	Occupation and workplace	ID card No.	Registration date	Date and place of transfer	Signature and seal of the security service
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	TRANG VAN LOU	1931	M	Householder	Silversmith	33007063	April 1, 77		
02	PHAM HUE TRANG	1933	F	Wife	Housewife		April 1, 77		
03	TRANG THI KIM CHI	1950	F	Daughter			April 1, 77	Moved to Can Tho University on October 01, 77	
04	TRANG KHOA THI	1960	F	Daughter			April 1, 77	Moved to Teacher's college Can Tho on November 24, 78	
05	TRANG THANH THUYEN	1963	F	Daughter			April 1, 77	Crossed the sea border in 1961	
06	TRANG THUAN KIEM	1965	M	Son		33079552	April 1, 77		
07	TRANG NGOC GAM	1967	F	Daughter			April 1, 77	Died of illness	
08	TRANG MINH HUNG	1970	M	Son		93201896	April 1, 77		
09	TRANG BAO TRAM	1975	F	Daughter			April 1, 77		
10	TRANG THI KIM CHI	1959	F	Daughter	School teacher		Nov. 11, 81	(signed and sealed)	

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date: May 23, 1989



IV. TÀI LIỆU

DOCUMENTS

LIST OF DOCUMENTS SENT TO ODP OFFICE

I-VITAL STATISTIC RECORDS :

1-Birth certificate :-HAP-NGOC-VUONG(VUONG-NGOC-HAP),Sponsor,No 05X.NTP

-VUONG-CAM-VAN ,	27 March 1922 Da-Phuoc ,Chaudoc,	No.07.X.NTP..
-NGUYEN-THUONG-CHI	25 July 1920 Phu-Long Mytho	No.89.TP.HT.B.2
-NGUYEN-NGOC-C O',	20 Nov. 1949 Saigon	No.9024 bis....
-NGUYEN-NGOC-TUYET	28 Jan. 1952 Saigon	No.1040.A....
-NGUYEN-THUONG-TIEN	4 April 1956 Saigon	No.1277.....
-TRANG-THI-KIM-CHI	2 March 1959 Nguyệt-Hoa,Travinh, (Cuu-Long)	No.12.....
		<u>Total : 7</u>

2-Marriage certificate :

-VUONG-CAM-VAN-NGUYEN-THUONG-CHI	No.34 Book 01
-TRANG-THI-KIM-CHI-NGUYEN-THUONG-TIEN	No.138 Book 01
	<u>Total : 2</u>

Death Certificate (TRINH-THI-NHUY) Previous marriage No 22

	No .22.....
	<u>Total : 1</u>

3 Pre-1975 Government ID cards :

-VUONG CAM VAN ID card:lost No 00905761 District 3	00905761
SAIGON issued 10 March 1969	0
-NGUYEN-THUONG-CHI IDC kept by Reeducation camp	
No 00905769 SAIGON D.3 iss.10 March 1969	 0
-NGUYEN-NGOC-CO' IDC No 00853876 SAIGON D.3 26-March 1969	 1
-NGUYEN-NGOC-TUYET No 00853360 SAIGON D.3 20 March 1969	 1
-NGUYEN-THUONG-TIEN No 07469376 SAIGON D.3 09 Jan. 1971	 1
-TRANG-THI-KIM-CHI No 11008059 VINH BINH 18 Feb. 1974	 1
	<u>Total: 4</u>

4-Post-1975 Government ID Cards (giấy CMND)

-VUONG -CAM VAN	No 020604608.....	1
-NGUYEN-THUONG-CHI	- 022241745.....	1
-NGUYEN N-NGOC-CO'	- 020240902	1
-NGUYEN-NGOC-TUYET	- 020342131	1
-NGUYEN-THUONG-TIEN	- 022595196	1
-TRANG-THI-KIM-CHI	- 360031993	1
	<u>Total 6</u>	

5-Household Census books (Hộ-Khẩu) :

-VUONG CAM VAN 153/8-9 KY-ĐONG Q.3 HO-CHI-MINH City	No 301140.....	1
-TRANG-VAN-LUU 22 Dien Bien Phu ,Thị-Xã TRAVINH (Cuu Long)	No 7/91	

6-Original of individual photograph : (one for each relatives)

-VUONG -CAM-VAN, NGUYEN-THUONG-CHI, NGUYEN-NGOC-CO',
-NGUYEN-NGOC-TUYET, NGUYEN-THUONG-TIEN and TRANG-THI-KIM-CHI .

II-EMPLOYMENT IN US GOVERNMENT AGENCIES OR IN PRIVATE COMPANIES

- 7- Copies of papers showing that he or other family members ~~must~~ worked for the US Government or for a private US Company :...NONE

III- : STUDY OR TRAINING :

- 8-Copies of papers showing that he or other ^{family} members studied or were trained in The US or in VIETNAM Or in other country under US sponsorship .

PHOTOCOPIES :

- 1-Official meeting at The IRS ,Washington D.C in 1958 before starting the Training Program in Tax Administration .
- 2-Professors at GEORGE WASHINGTON UNIVERSITY . 1959
- 3-Field trip to Allentown P.A. to study "How to finance education" (Newspaper clipping) -1959
- 4-Field trip to Manila Brewery 1962 Total 4
- 5 One son of Nguyen-thuong-CHI, Mr. NGUYEN-THUONG-CHANH born in 1943 was trained in Veterinarian Science et graduate from CHULALONGKORN UNIVERSITY BANGKOK THAILAND about (1969-1972) as Doctor in Veterinarian Science . His picture in front of the University.

Three others of his children : NGUYEN-NGOC-CO, NGUYEN-NGOC-TUYET and NGUYEN-THUONG-TIEN studied English at The Vietnamese - American Association . (Registration booklets) .

Total :...5..

IV-WORKING CLOSELY WITH US OFFICIALS OR US PROGRAMS while working for the Vietnamese Government.

- ~~Worked~~ with Mr. Ray E. DAVIS , tax Advisor at The Directorate General of taxation from 1961 to 1965.
- Worked with 3 US Tax Teams from 1966 to 1975 under US Programs aiming at ameliorating Vietnamese Tax Administration .
- Picture of one of many in service training classes in Tax field.
- meeting with US research group conducted by Mr. FOLEY from BUFFALO before sending 3 US Tax Teams .
- Reception of the third US Tax Team Leader at the Directorate General of Taxation .
- Certificate of success in BASIC ADMINISTRATIVE MANAGEMENT COURSE
- NSAID NEWS LETTERS Clipping about B A M classes of which M. NGUYEN-THUONG-CHI is coordinator .
- Training in BAM course, closing ceremony organized at the Directorate General of Taxation .

Total5

10. Certificate or award received:

From the US Government: none.

V. POSITION, RANK OR FUNCTION IN THE VIETNAMESE CIVIL SERVICE:

11. COMMUNIQUE OF SUCCESS IN ONE EXAM ORGANIZED BY THE MINISTRY OF FINANCE in 1966, showing that:

Mr. NGUYEN THUONG CHI was promoted to the Position of TAX INSPECTOR from 1966.

Other slips showing his employment in the Vietnamese Government:

- Certificate of employment by the Directorate of Registration 1951.
- Registration member in the Civil Service of Vietnamese Government - 1971.
- Receipts of rent of his house paid to the Vietnamese Government:

- . No. 528/TH2/CS 5th September 1970
- . No. 203/80 16th September 1973

+ translation = Total: 06

VI. NAMES OF SUPERVISORS/ADVISORS - LETTERS RECEIVED

12. a) Names of American Supervisors:

1st US Tax Team: Mr. McKey, US Tax Team Leader: 1966-1968.

2nd US Tax Team: - Mr. Maginnis, US Tax Team Leader
- Mr. John Mangan, Tax Advisor in the field of In Service Training 1968-1972

3rd US Tax Team: - Mr. W.W. Newnam, US Tax Team Leader 1972-1975
- Mr. Terry Coyne, Tax Advisor 1972-1974
- Mr. Prichard, Tax Advisor 1974-1975

both in the field of In Service Training.

Total 06 Supervisors

12. b) American Advisors

1. Mr. David JICKLING, Training Program Sponsor and Advisor in Washington D.C., 1958-1959, on Tax Administrations in U.S.A. and CANADA.

2. Mr. Ray E. DAVIS, Tax Advisor at the Directorate General of Taxation in Saigon, VIETNAM, Advisor in Tax System improvement with stress in training in all Tax Agencies (throughout the Country 1961-1965)

Total 02

12. o) Copies of Letters from Tax Advisors

1. One letter (June 26, 1982) from Mr. R?E? DAVIS.
2. One Greeting Card from Mr David JICKLING on the occasion of the New-Year 1973.

T o t a l 0 2

III. Time in Reeducation Camp:

13. Certificate of Release from Reeducation Camp No. 48/(34) of 14 January 1982.

Time from 17 June 1975 to 13 January 1982 (6 years and 7 months)

+ translation T o t a l 0 2

VIII. A Questionnaire

+ this list.

T o t a l 0 2

Bridgeport, _____

TO: AMERICAN EMBASSY
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
Box 58
APO San Francisco 96346-0001

RE: VUONG CAM VAN
NGUYEN THUONG CHI, _____ IV No. _____ (1983).

Dear Sirs,

This is to apply for immigrant visas for reunification of family for my relatives still in Vietnam to settle in the USA. I think they are eligible to immigrant visas. As US citizen, I would like to sponsor them. They are namely as follows:

NAME	D.O.B.	C.O.B.	ID Card	RELATIONSHIP
1. VUONG CAM VAN	27 Mar. 1922	VIETNAM	060604608	my sister-in-
2. NGUYEN THUONG CHI	25 July 1920	VIETNAM	022241745	my brother-in-law
3. NGUYEN NGOC CO	20 Nov. 1949	VIETNAM	020240902	my niece
4. NGUYEN NGOC TUYET	28 Jan 1952	VIETNAM	020342131	my niece
5. NGUYEN THUONG TIEN	4 Apr 1956	VIETNAM	022595196	my nephew
6. TRANG THI KIM CHI	2 Mar 1959	VIETNAM	360031993	my niece-in-law (wife of NGUYEN THUONG TIEN)

In compliance with instruction of ODP Office, please find attached herewith all the documents requested such as:

I. Vital statistics records: (from No. 1 to No. 6 of the list).

Birth Certificates - Certificate of death of the wife of previous marriage - Certificates of marriage pre 1975 Government ID Cards - and ID Card member Post 1975 Government ID Cards (giấy CMND) - Household census books (Hộ khẩu) and original of individual photographs.

2. Other documents (from No. 7-14)

Employment, training - working closely with US program - rank positions - American supervisors/Advisors list - Letter from US Advisor, certificate of release from reeducation Camp and questionnaire (attached herewith) sent his file to ODP Bangkok in 1983 and completed again his file in 1988 (Registration Receipt No. 0387/1983 and No. 690/1988). He don't receive yet his IV number.

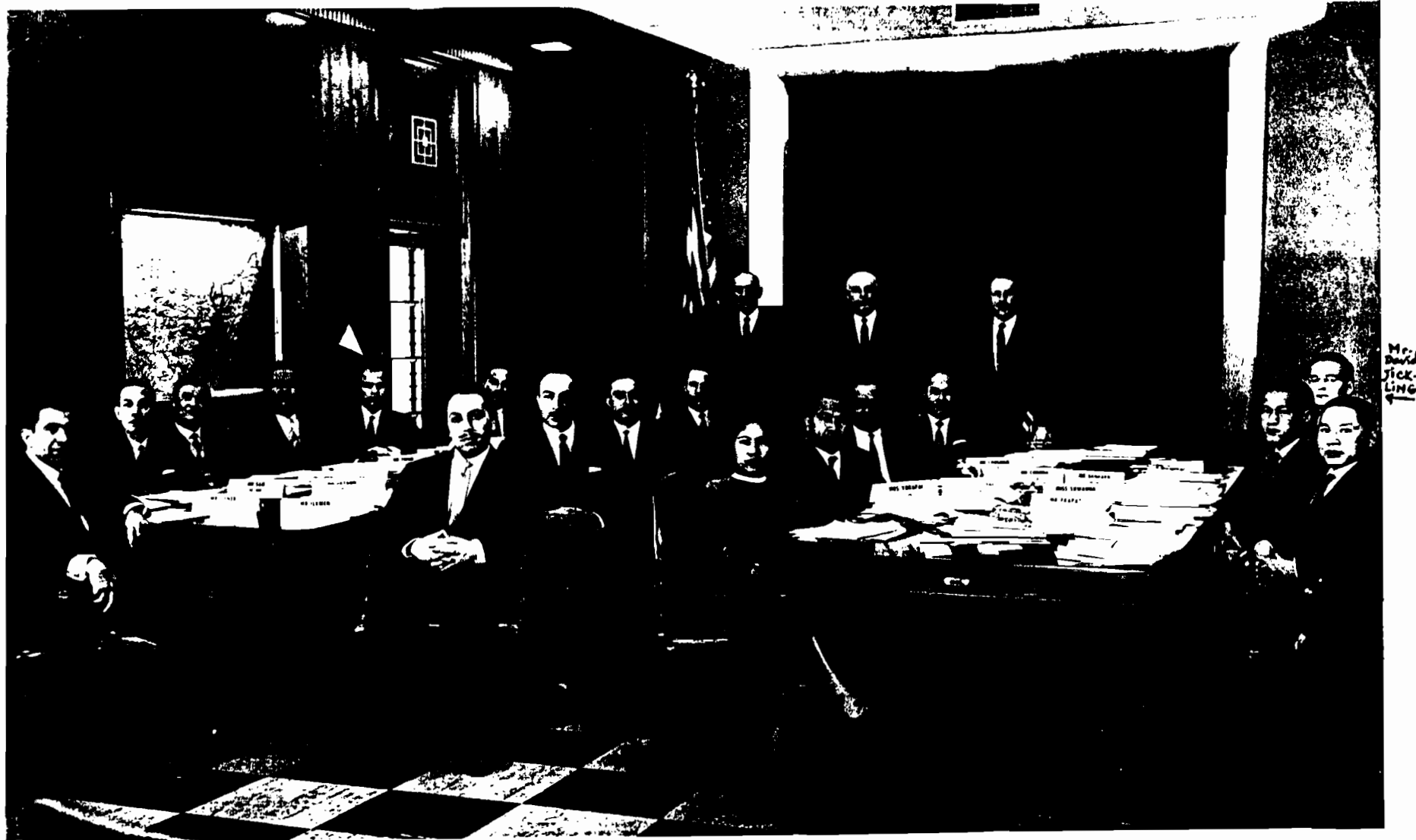
In case my file is complete and the ODP Office does not require any additional documents, I would like very much appreciate your assistance if your office could expedite the processing of the file and issue the much needed "Letter of Introduction (L.O.I.)" or Tho' giới thiệu to my relatives:

1. VUONG CAM VAN	27 Mar. 1922/VN	020604608	my sister
2. NGUYEN THUONG CHI	25 July 1920/VN	022241745	my brother-in-law
3. NGUYEN NGOC CO	20 Nov. 1949/VN	020240902	my niece
4. NGUYEN NGOC TUYET	28 Jan. 1952/VN	020342131	my niece
5. NGUYEN THUONG TIEN	04 Apr 1956/VN	022595196	my nephew
6. TRANG THI KIM CHI	02 Mar. 1959/VN	350031993	my niece-in-law (wife of NGUYEN THUONG TIEN).

* Current address in Vietnam:

Mr. NGUYEN THUONG CHI
153/8-9 Ky Dong
P.9, Q.3.
TP. HO CHI MINH

VIETNAM



Mr. David JICKLING

Speaker's table left to right: Mr. Eldon P. King, Director, International Tax Relations Division; Mr. Dana Lathan, Commissioner of Internal Revenue; Mr. Stanley D. Stockman, Technical Advisor, International Tax Relations Division; Upper left: Mr. Tran thuan Phat, Viet Nam; Mr. Nguyen thuong Chi, Viet Nam; Mr. Quach van Thinh, Viet Nam; Mr. Nguyen van Tuan, Viet Nam; Mr. Nguyen sanh Sam, Viet Nam; Mr. Ilhan Ozer, Turkey; Mr. Ismail Ilkcaen, Turkey; Mr. Suphi Saygun, Turkey; Mr. Ilhan Ozer, Turkey; Mr. Murat Ozsey, Turkey; Center: Mrs. Vorapai Raksavanichapongse, Thailand; Mr. Samichai Ek-une, Thailand; Mr. Juan M. Corona, Philippines; Mr. Jose E. Consunji, Philippines; Upper right: Mr. David Jickling, International Cooperation Administration; Mr. Barnharn Bandhukul, Thailand; Mr. Prapat Kammuan, Thailand

Training Project No 30.79-081-1-80242, Nov. 4 1958 - Nov. 3 1959 - P10/P No 730-80303
on Tax Administration.

Photo - 17 December 1958 -

AT THE GEORGE WASHINGTON UNIVERSITY

(3 Professors)

CHINA K. BACK



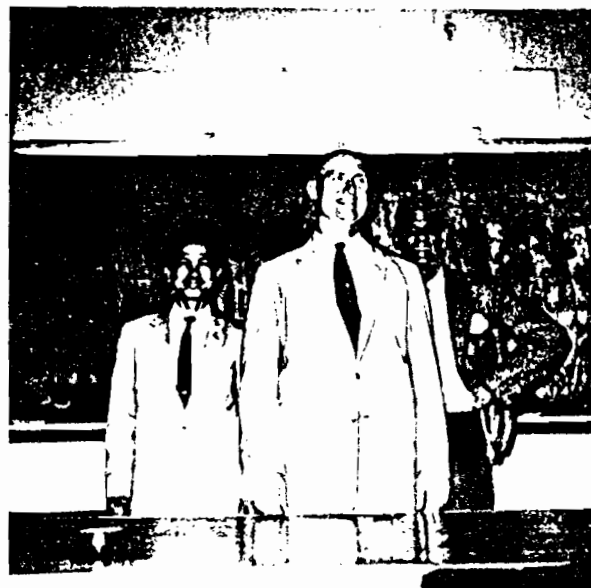
MAY 59



MAY 59

3- Mr. MURPHY R. CH

1- Mr. K. BACK



JUN 59

2-Dr. OBERN

CH1 Dr. OBERN

Vietnamese Delegate in Allentown To Study Financing of Education

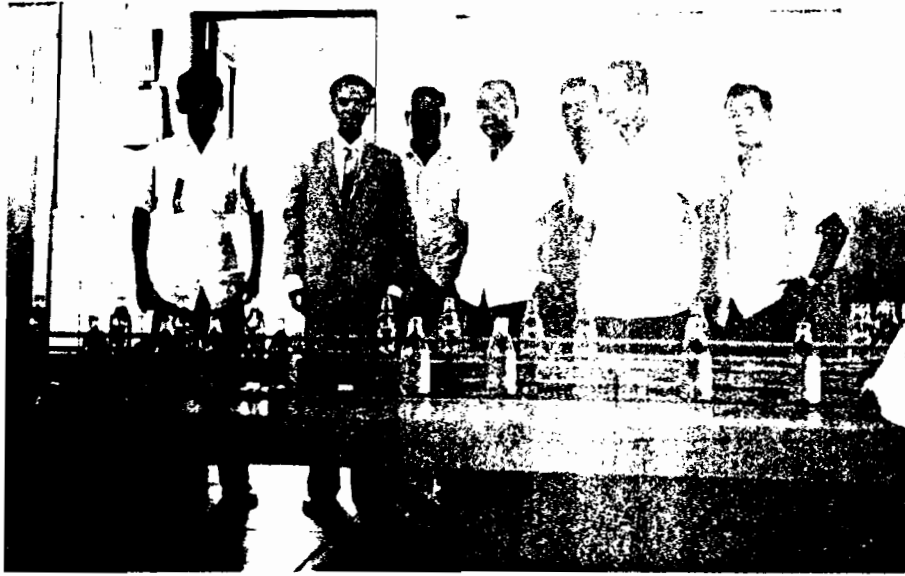
From Allentown
Newspaper
1959
(PENNSYLVANIA)

USA

1959

39

- Training Projects
- 1) ON TAX ADMINISTRATION
N° 30-79-081-1-80 242
Nov 8, 1958 - Nov 3, 1959
PIO/P N° 730-80303
 - 2) ON NEW TECHNIQUE OF
TRAINING - 1971
 - 3) 1968-69
USAID PROJECT
Training on BASIC ADMINISTRATIVE
MANAGEMENT COURSE
(BAM)



TRAINING IN THE PHILIPPINES



NGUYỄN-THƯỜNG-CHÁNH

my son
Graduate as Doctor in Veterinary Science
from CHULALONGKORN UNIVERSITY, BANGKOK, THAILAND
(under USAID Program 1969-1972)

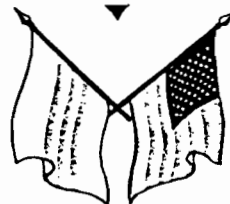
EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

HỘI VIỆT - MỸ
VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION

TYPE OF EXAM :	DATE :	RESULT :
1 _____	_____	_____
2 _____	_____	_____
3 _____	_____	_____

CHÚ Ý :

- Sổ Ghi Điểm này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng 50đ để được cấp quyền sổ khác.
- Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
- Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhà trường hỏi đến.
- Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giáo-sư để được phê điểm.



SỔ GHI ĐIỂM STUDENT RECORD BOOKLET



Mr.
Mrs
Miss Nguyễn Ngọc Cò
Ngày sanh: 20-11-49 Số học bạ 34976
Date of birth 20-11-49 Student No
Địa Chỉ: 153/8 and 9 Đoàn Thị Điểm Saigon
Home address

[illegible]

EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

<u>TYPE OF EXAM:</u>	<u>DATE:</u>	<u>RESULT:</u>
1 _____	_____	_____
2 _____	_____	_____
3 _____	_____	_____

CHÚ Ý :

1. Sổ Ghi Điểm này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng 50đ để được cấp quyền sổ khác.
2. Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
3. Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhà trường hỏi đến.
4. Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giáo-sư để được phê điểm.



HỘI VIỆT-MỸ

VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION
53-55, đường Mạc-Bình-Chi - SAIGON

TELEPHONE: 93.771 - 93.772



SỔ GHI ĐIỂM STUDENT RECORD BOOKLET



Mr.
Mrs
Miss

Nguyễn Ngọc Cb

Ngày sinh: 20.11.1949 Số học bạ 34976

Date of birth Student No

Địa Chỉ: 153/8 and 9 Kj Dong Saigon

Home address

Miss NGUYEN-NGOC-CO, 20 NOV. 1949 identification card No 00853876 of 26-3-69-

STUDENT RECORD BOOKLET No 34.976

ENGLISH CLASSES at The Vietnamese American Association

1970 & 1971

53-55 MAC DINH CHI, SAIGON

Course No	TEACHER'S NAME (print)	TERM Period	Class Work	No hours Absent	Written Exam	Oral Eval	Final Grade	REMARKS	Teacher's Signature
Three	Mrs E. S. Baling	1-3/70		1			Pass	Good	ESB
Four	G. J. Huot	4-6/70	c	-		Good	Pass	REGISTERED	Huot
Five	Hu Do Phi	July Sept 70		7			Pass	irregular	Phi
Six	Daing Chanh Chuyn	Oct Dec 70		4 1/2			Fail	REGISTERED	Chuyn
Six	T. T. A. Huu	Jan March		12 1/2	-21		Pass	REGISTERED	Huu
Seven	Mrs Anh C.	April June					Fail	Repeat	Mrs Anh C.
Seven	Nguyen G. Mo	July Sept 71		4 1/2			PASS		N. G. Mo
Eight	D. T. NHAN	Oct Dec 71		0			PASS		NHAN
Nine	Nguyen Huu Loe	1-3-72		2			Fail		Loe

EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

TYPE OF EXAM: DATE: RESULT:

1. _____
2. _____
3. _____

CHỮ T.

1. Sổ Ghi Điểm này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng SĐ để được cấp quyển sổ khác.
2. Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
3. Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhà trường hỏi đến.
4. Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giám-sư để được phả điểm.



HỘI VIỆT-MỸ

VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION

53-55, đường Mạc-Đĩnh-Chi -- SAIGON

TELEPHONE: 93.771 - 93.772



SỔ GHI ĐIỂM DENT RECORD BOOKLET



Mr.
Mrs.
Miss

Ngày sinh: 28/6/1952 Số học bạ: 45360
Date of birth: Student No.
Địa Chỉ: 153/8.9 Kỳ ĐÔNG Saigon
Home address

NGUYEN-NGOC-TUYET, 28-1-1952 Identification Card 00853380 of 20-3-1969

STUDENT RECORD BOOKLET No 45.760
ENGLISH CLASSES at The Vietnamese American Association
53-55 MAC DINH CHI, SAIGON

1971 & 1973

Course No	TEACHER'S NAME (print)	TERM Period	Class Work	No hours Absent	Written Exam	Oral Eval	Final Grade	REMARKS	Teacher's Signature
ONE	MR. LUAN DINH	Jan. - March 1971		1 1/2			Pass	Good	Lin
TWO	Vũ Thị Hồng Sinh	April - June 1971		0	4		Honors	Good	Lin
THREE	ĐO THỊ THƯỜNG	7-9/71		1 1/2			Pass		Lin
FOUR	MR. ĐUỐC LÂM	Oct. - Dec 71		1 1/2	P		Pass		Lin
FIVE	MR. LINH	1-3/72					Pass		Lin
SIX	MR. LINH	April - June 72		4			Pass		Lin
SEVEN	MR. NGUYỄN KHÁNH	7-Sept 72		4 1/2			Pass		Lin
EIGHT	MR. ĐO THỊ PHUOC	Oct. - Dec 72		4	17		Pass		Lin
NINE	Mrs. JUNE	Jan - Mar 73	173	23	42		FAIL		Lin
TEN	H. HUA	4-6/73	3	4 1/2	-31	75	Pass		Lin
ELEVEN	MR. FIC	July - Sept 73	5	3	-13	75	Pass		Lin
Twelve	MR. ABRAHAM	Oct. - Dec 73		1 1/2			Pass		Lin
THIRTEEN	TRẦN THỊ KHUÊ	1-3/74		2	50	154	FAILED		Lin
FOURTEEN	Mrs. Vasiliani	April - June 74		2	51	152	FAILED	B	Lin
FIFTEEN	PHAM THY MAY	July - Sept 74	5	23	11	80	Pass		Lin
SIXTEEN	Mrs. KIM LAN	Oct. - Dec 74		4	11	100	FAILED		Lin

EXAMINATIONS TAKEN AT THE VAA

<u>TYPE OF EXAM:</u>	<u>DATE:</u>	<u>RESULT:</u>
1 _____	_____	_____
2 _____	_____	_____
3 _____	_____	_____

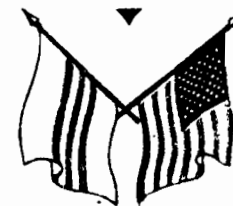
CHÚ Ý:

1. Sổ Ghi Điem này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng 50đ để được cấp quyền sổ khác.
2. Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
3. Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhà trường hỏi đến.
4. Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giáo-sư để được phê diem.



HỘI VIỆT - MỸ

VIETNAMESE - AMERICAN ASSOCIATION



SỔ GHI ĐIỂM

STUDENT RECORD BOOKLET



Mr.
Mrs
Miss

Ngày sinh: 4-4-1956 Số học bạ 19
Date of birth 4-4-1956 Student No 19
Địa Chỉ: 153/829 Đồn-thị-Điêm Saigon.
Home address

NGUYỄN-THƯỜNG-TIEN 4-4-1956. Identification Card No 07469376 of 9-01-1971

STUDENT RECORD BOOKLET No 67-402

ENGLISH CLASSES at The Vietnamese American Association
53-55 MAC-DINH-CHI SAIGON

1972 & 1973

[illegible]

REPUBLIC OF VIET NAM
MINISTRY OF FINANCE

OFFICE CHIEF OF REGISTRATION 2
SAIGON

GENERAL DEPARTMENT OF TAXES
DIRECTORATE OF REGISTRATION
AND FISCAL STAMPS.

Certifies that :

No. 328/TB2/CS

Mr. NGUYEN THUONG CHI, Chief service
at the General Directorate of Taxes Saigon,
has paid the rent of the two apartments No.
8 and 9 at Ky Dong Residential Compound in
the year of 1970 with a sum of money of one
thousand two hundred and twelve piasters
(2,212\$).

Saigon, September 5, 1970

NGO THANH SAU
(signed and sealed)

REPUBLIC OF VIET NAM
DIRECTORATE OF REGISTRATION AND
FISCAL STAMPS

No. 203/80

Department office
On September 16, 73
Received from Mr. NGUYEN THUONG CHI,
Chief Service of the Training service at
the General Directorate of Taxes a sum of
money : One thousand six hundred and sixty-
two piasters (đồng) (1,662\$) for the rent of
the apartment No. 9 at Ky Dong Residential
Compound Saigon in the whole years of 1972
and 1973.

Acting The Chief of office
(signed and sealed)

Translated from the original
written in Vietnamese

File No. 855/89

Date: May 23, 1989

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TÀI-CHÍNH

NHÀ TÔNG GIÁM-ĐỐC THUẾ-VỤ

NHÀ TRƯỚC-BẠ, VÀ CON NIÊM

TRƯỜNG-TY TRƯỚC-BẠ 2 30

CỔ VẮA/TEL/CS

Chứng nhận:

Ông Nguyễn-Thượng-Chí, Chánh-Sự-Vụ tại Tổng-Nhà Thuế-Vụ Sài Gòn, có trả đủ số tiền thuê 2 căn phố số 8 và 9 tại Cư xá Kỳ-Đồng trong năm 1970 với số tiền là Một ngàn hai trăm mười hai đồng (1212\$) /.

ngày 5 tháng 9-1970



NGÃ-THÀNH SÁU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Nhà Trước-Bạ và Con-Niêm

Số 203/82

Ty

Ngày 16.9.70

Nhận của Ông Nguyễn Thượng Chí

Chánh Sự Vụ Thuế Vụ Tổng NV

số tiền một ngàn hai trăm mười hai đồng

để trả tiền thuê căn 8 và 9

tại Cư xá Kỳ-Đồng Saigon từ năm

1972 và 1973

Trưởng Ty

[Handwritten signature]

Rechecked on Sept. 17, 51 in Saigon (3rd) Card No. 322.454 CA

: STATE OF VIET NAM : No. 39 :
: MINISTRY OF FINANCE : :
: DIRECTORATE OF REGISTRATION AND : :
: LANDED PROPERTY : PHOTO :
: : :
: EMPLOYEE CARD : :
: Full name : NGUYEN THUONG CHI : This card must be given back at :
: Place and date of birth : Phu Long : resignation or at the demand of :
: (My Tho), July 25, 1920 : the authorities. :
: Permanent residence : Registration :
: dwellings group : Saigon, September 25, 1951 :
: Child of NGUYEN VAN KHUON : The Director of Registration and :
: and TRIEU THI DAO : Landed property :
: ID card No. TI No. C93.827 B. : (signed and sealed) :
: at Chau Doc on Sept. 27, 51 : :
: Function : Secretary of Second :
: Class of registration. :
: :

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989

REPUBLIC OF VIET NAM
MINISTRY OF FINANCE

GENERAL DIRECTORATE OF TAXES
NATIONAL ROLL OFFICE

Full name NGUYEN THUONG CHI
Date and place of birth : July 25, 1920
at Phu Long, My Tho
Occupation Government employee
Address 8 Ky Dong street, Saigon

NATIONAL NOMINAL ROLL

/ 20 / 211 / 09 / 001 /

Saigon, February 3, 1971
Bureau Chief of National
Nominal Roll Office
NGUYEN VAN KY
(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 385/89

Date : May 23, 1989

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

NHA TỔNG GIÁM ĐỐC THUẾ-VỤ

BỘ TÀI-CHÍNH

PHÒNG QUỐC-GIA DANH-BỘ

Tên họ:

NGUYỄN THƯƠNG CHÍ

Nơi và nơi sinh:

25.7.1920 tại Bình Long Mỹ Tho

Nghề-nghiep:

Công chức

Địa-chỉ:

8 Trưng Tự Hồng Saigon

Saigon, ngày

9.9.1951

SỐ QUỐC-GIA DANH-BỘ

PHÒNG QUỐC-GIA DANH-BỘ

20/211/09/001

NGUYỄN-THƯƠNG-CHÍ

Recevé le 17-9-51 à Saigon (8^e) Carte n° 322.454 CA

DU VIET-NAM

FINANCES

DIRECTION DES PROPRIÉTÉS FONCIÈRES

CARTE DE SERVICE

Nom et prénoms:

Nguyen Thuy

Lieu et date de naissance:

(Mytho) le 25 juillet 1920

Domicile déclaré: Cite Enregistrement

Filiation: Nguyen Van Phuong

et f. Tran Thi Dao

Pièces d'identité: 6120C93.827 B.

de Chaudat du 27-9-51

Fonctions: Secrétaire de 2^e classe

de l'enregistrement

N° 39



Cette carte doit être restituée à la cessation de service ou à la première réquisition de l'Administration

25 septembre 1951

de l'Enregistrement

des Propriétés Foncières.



MINISTRY OF FINANCE

(I) COMMUNIQUE

On the result of the professional exam for grades of Taxation Inspectors, ^{Treasury} ~~Banking~~ administrators and Customs and ^{Excise Tax} ~~Administration~~ Inspectors.

The candidates whose names are hereunder listed have passed the Professional Exam held on November 19, 1966 in Saigon for the following grades of civil servants.

Order: Full name : Inscription: Office employed
No. : : No. :

I. TAXATION INSPECTOR

1	: Mr. NGUYEN THIUNG CHI	: 50	: Training service General Direc-
	:	:	: torate of Taxation.
2	: - TRUONG NGOC NHA	: 19	: Licence and Landed property
	:	:	: service, saigon
3	: - NGUYEN VAN DU	: 53	: The office of General directorate
	:	:	: of taxation.
4	: - DO VAN PHUC	: 23	: Taxation service of District 3
5	: - DANG TRUNG MAN	: 51	: Directorate of indirect taxes
6	: - VO HONG KINH alias:	: 44	: Long Khanh Taxation service,
	: BAY NHU	:	: Xuan Loc
7	: - NGUYEN VAN BANG	: 52	: Property sequestration and confis-
	:	:	: cation service, Directorate of
	:	:	: Registration and fiscal stamps.
8	: - DOAN HUU LAP	: 11	: General Directorate of Taxation.

II. ^{TREASURY} ~~BANKING~~ ADMINISTRATOR

1	: Mr. LE VAN TRI	: 37	: Central directorate, General
	:	:	: Directorate of Treasury.
2	: - PHAN DINH NGOC	: 20	: Research service for legislation
	:	:	: and legal procedures.
3	: - NGUYEN VAN THE	: 33	: General Directorate of Treasury
4	: - TRAN VAN MINH	: 16	: -id-
5	: - DO KHAC BINH	: 1	: -id-
6	: - LUU VAN TUONG	: 41	: Central directorate, General
	:	:	: Directorate of Treasury.
7	: - NGUYEN RO	: 27	: Thua Thien Administrative office

III. INSPECTORS FOR CUSTOMS AND ^{EXCISE TAX} ~~ADMINISTRATION~~

1	: Mr. LE VAN PHU	: 21	: Checking-up service zone 1, Saigon
2	: - HOANG DUY TU	: 39	: Customs zone 6, Da Nang
3	: - CAL VAN NAM	: 18	: Principal office for Customs
	:	:	: service, Saigon.

Established in Saigon, December 2, 1966

The President of Examining board

The Director of Cabinet in the Ministry of Finance

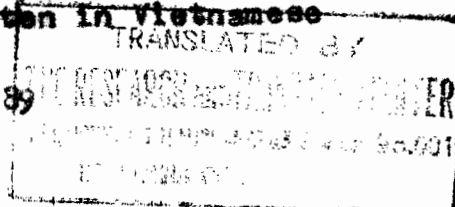
CHAU KIM NHAN

(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/69

Date : May 23, 1969



kết-quả kỳ thi chuyên-nghiep nhập ngạch
Thanh-Tra Thuế-Vụ, Giám-Sự Ngân-Kho,
Thanh-Tra Quan-Thuế và Công-Quản

Các thí-sinh có tên dưới đây được tuyên-bố trúng
tuyên kỳ thi chuyên-nghiep tổ-chức ngày 19-11-1966 tại
Saigon để nhập các ngạch kể sau :

Số chức vụ	Họ và Tên	Số : ký : danh	Cơ-quan phục-vụ
------------------	-----------	----------------------	-----------------

I- THANH-TRA THUẾ-VỤ

1 : 0. NGUYỄN-THƯỢNG-CHÍ	: 50 :	Sở Huấn-Luyện Nha Tổng Giám-Độc Thuế-Vụ
2 : - TRƯƠNG-NGỌC-NHÀ	: 19 :	Sở Môn-Bãi và Điền-Thổ Saigon
3 : - NGUYỄN-VAN-DU	: 53 :	Văn-Phòng Tổng Nha Thuế-Vụ
4 : - ĐỖ-VAN-PHÚC	: 23 :	Ty Thuế-Vụ Quận 3
5 : - ĐẶNG-TRUNG-MÃN	: 51 :	Nha Thuế Giám-Thầu
6 : - VÕ-HỒNG-XINH tự BẦY NHỎ	: 44 :	Ty Thuế-Vụ Long-Khánh, Xuân-Lộc
7 : - NGUYỄN-VAN-BÀNG	: 52 :	Sở Công-Thức và Tịch-Thầu,
	:	Nha Thuế-Sạ và Con Niêm
8 : - ĐOÀN-HỮU-LẬP	: 11 :	Nha Tổng Giám-Độc Thuế-Vụ

II- GIÁM-SỰ NGÂN-KHO

1 : 0. LÊ-VAN-TRÍ	: 37 :	Nha Trung-Ưng, Tổng Nha Ngân-Kho
2 : - PHAN-ĐÌNH-NGỌC	: 20 :	Sở Nghiên-Cứu Pháp-Chế Tô-Tụng,
	:	Tổng Nha Ngân-Kho
3 : - NGUYỄN-VAN-THÊ	: 33 :	Tổng Nha Ngân-Kho
4 : - TRẦN-VAN-MINH	: 16 :	Tổng Nha Ngân-Kho
5 : - ĐỖ-KHÁC-BÌNH	: 1 :	Tổng Nha Ngân-Kho
6 : - LƯU-VAN-TUÔNG	: 41 :	Nha Trung-Ưng, Tổng Nha Ngân-Kho
7 : - NGUYỄN-RƠ	: 27 :	Tòa Hành-Chánh Thừa-Thiên

Số :		Số :	
thứ :	Họ và Tên	ký :	Cơ-quant. phục-vụ
tự :		danh:	

III- THANH-TRA QUAN-THUE VÀ CÔNG

1 : O. LE-VAN-PHÚ	: 21 : Ty Kiểm-Điểm Khu I Saigon
2 : - HOÀNG-DUY-TU	: 39 : Khu Quan-Thuế 6, Đà-Nẵng
3 : - CAO-VAN-NAM	: 18 : Ty Chánh-Thu Quan-Thuế Saigon

Làm tại Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 1966.

CHỦ-TỊCH HỘI-ĐỒNG GIÁM-KHẢO
ĐỒNG-LÝ VĂN-PHÒNG BỘ TÀI-CHÍNH,



CHÂU-KIM-NHAN

REPUBLIC OF VIET NAM
PRIME MINISTER'S MINISTRY
COORDINATING COMMITTEE FOR
TRAINING PROGRAMME

(C) C E R T I F I C A T E

No. 31 HVHC - TN

1

This is to certify that : Mr. NGUYEN THUONG CHI
Born on July 25, 1920 in My Tho
Has completed a training course for ^{MANAGEMENT}
INSTRUCTOR IN BASIC ADMINISTRATIVE ~~BUSINESS~~
Session From April 29, 68 to June 1, 68.

MEMBERS

DAO XUAN DUNG
(signed)

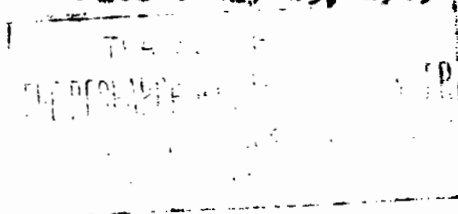
HUYNH VAN SANG
(signed)

Saigon, June 3, 1968
The Coordinating committee
The Chairman
(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
PHỦ THỦ-TƯỚNG
Ủy.Ban Phối.Trí (Trường.Tinh.Tu.Nghiệp)
SỐ 31 HVHC - TN

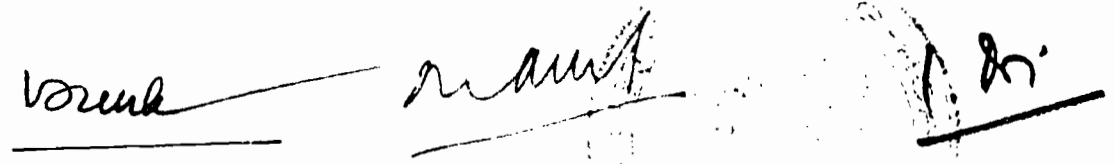
CHỨNG - CHỈ

Nay chúng nhận Ông Nguyễn Thượng Chí
sinh ngày 25-7-1920 tại Mỹ Tho
đã tốt nghiệp lớp đào tạo GIẢNG-VIÊN về môn
QUẢN-TRỊ HÀNH-CHÁNH CĂN-BẢN, khóa...
từ 29-4-68 đến 1-6-68

Sai gòn, ngày 3 tháng 6 năm 1968

Hồ Văn

ỦY-BAN PHỐI-TRÍ
Chú Tích



BÀC XUÂN ĐÔNG

NGUYỄN VĂN...

...



Nguyen Thuong Chi (left





(BAM course)
- USAID Program -

1968
TRAINING CLASS
of
TAX EXECUTIVES
DIRECTORATE GENERAL OF TAXATION
CLASS ROOM



1966 — RESEARCH for a Survey to improve Tax Administration
1966. Mr. FOLEY, US TAX TEAM LEADER



RECEPTION OF THE U.S. TAX TEAM
at The Directorate General
of Taxation

1972

1-Mr. FOLEY, US Tax Team Leader, with Miss ... 1967.

2-Three regular U.S. Tax Teams functioned from ...
April 1975. Mr. W.W. NEWNAM was ...
The Third U.S. Tax Team.



(USAID Program)

In Service training in Tax Administration

A LETTER FROM Mr. R.E.DAVIS
(Tax Advisor (1961-1965))

Santa Rosa, California

June 26, 1982

Dear Mr. Soa:

It was certainly a pleasure to receive your even welcome letter and to know that you are getting along.

We were extremely happy to hear that Mr. Chi is not dead. I consider Mr. Chi to be one of the finest gentlemen that I have ever been associated with. He was always the perfect gentleman, and I shall always remember the happy times we spent with you, and with Mr. Chi and with Mr. Vinh. Although we made many friends in Vietnam, it seems that you three are the ones that bring back my happy memories.

I regret missing a meeting with Mr. Chi, when he was in San Francisco. It just happened that the time he was there, my automobile was in the shop being repaired and I could not get to San Francisco to meet with him.

I still have the address of your family in Colton, California, and in the event we get to southern California, we will look them up.

I certainly hope that you and your family will soon be together, and the same wishes for Mr. Chi and his family.

I would appreciate any news about any of them and where is Mr. Vinh and his family?

Mrs. Davis and I are both reasonably well and getting along reasonably well. Our health is fair, and perhaps better than average for people about 75 years of age. We still play golf a few days a week. I take care of our lawn and Mrs Davis takes care of the house without any help,

I did have a cancer on my prostate, but after radiation treatment, it seems to be cured. At least the semi-annual examinations show that it is getting along O.K.

Mrs. Davis gets around O.K., although she has some arthritis in her shoulders. It bothers her some, but she still can take care of the house and play some golf. So I guess we are both lucky to be as healthful as we are, when we will be 75 years of age within a few weeks.

As for finances, we were lucky to have bought our home when we did, for since then the prices have gone up so much that we could not buy it now. The cost of living has gone up nearly 300% since I retired. We still get along, but naturally we must watch our "Pennies". I guess we are lucky, compared with many people in many lands.

Our community os Valmont is growing some. It is still an adult community. No one under 18 years of age allowed to live here.

Please write when you can, as I always am glad to hear from you and to receive any news of my friends there. Please give my highest regards to Mr. Chi, and we wish him all the happiness he deserves.

Thanks again for your letter and write when you can.

Sincerely,

Ray & Viola

Ray & Viola

Tell Mr Chi that I have the plaque he sent me. It is on the wall of my room.

It never heard from Bao (our servant)
The last address we had was his son. Nguyen Manh Cao
96 C HEN VINH

MR AND MRS DAV E DAVIS

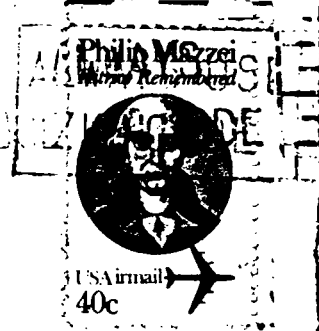
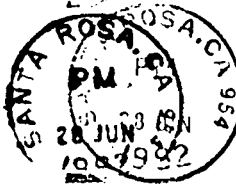
SANTA ROSA, CA

USA

Air mail

18/8/82

Mr. Trương Kim Sóa
207/7 Tu Duc St.
Saigon, Vietnam

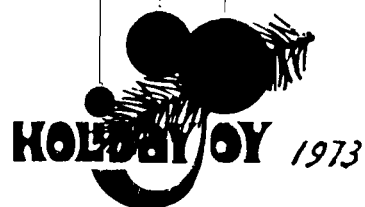


AIR MAIL





Mr. D. JICKLING
+ family



to Mr. Chai
+ family

Greetings from the Jicklings

Mr. Pritchard sent me the article about you and the news about your new training center. I am very proud and pleased for you.

We are beginning our fourth year in Bolivia. Three of our children are here. The two oldest are in U.S. universities.

I. GIẤY RA TRẠI

RELEASE CERTIFICATE

Canada Post / Canada

0387

Registration Récépissé de
Receipt recommandation

To: *Orly Defarine Proprietor*
Post Office *Bany K.R.* Postal Code postal

Postal regulations provide that indemnity will not be paid for damage to articles of a fragile or perishable nature. This receipt is necessary if enquiry is desired. Le règlement des Postes prévoit que l'indemnité ne sera pas payée pour l'avarie d'un objet fragile ou périssable. À produire en cas de réclamation.

Destination	Fees Paid Frais payés	Ins.	Time Stamp	Tax & date
Canada				
United States, its Territories and Possessions États-Unis, leurs territoires et leurs possessions				
Other Countries Les autres pays				
*Fixed indemnity of 30 Dollars *Indemnité fixe à 30 dollars 00-010 420 110 011				

1983

Canada Post / Canada

0388

Registration Récépissé de
Receipt recommandation

To: *Migration & Refuge Line*
Post Office *Washington D.C.* Postal Code postal

Postal regulations provide that indemnity will not be paid for damage to articles of a fragile or perishable nature. This receipt is necessary if enquiry is desired. Le règlement des Postes prévoit que l'indemnité ne sera pas payée pour l'avarie d'un objet fragile ou périssable. À produire en cas de réclamation.

Destination	Fee Paid Frais payés	Ins.	Time Stamp
Canada			
United States, its Territories and Possessions États-Unis, leurs territoires et leurs possessions		2	
Other Countries Les autres pays			
*Fixed indemnity of 30 Dollars *Indemnité fixe à 30 dollars 00-010 420 110 011			

1983

44

690

Registration Récépissé de
Receipt recommandation

To A *American Embassy*
Bamphok, Thailand

Postal regulations provide that security will not be paid for damage articles of a fragile or perishable nature. If a receipt is necessary, a query is desired. Le règlement des postes prévoit que l'assurance ne sera pas payée pour les articles fragiles ou périssables. À produire en cas de réclamation.

Destination	Fee Paid (incl. post)	Fee	Date Stamp	Tracked 3-Digit
Canada				
United States, its Territories and Possessions Etats-Unis, leurs territoires et possessions				
Other Countries Les autres pays				
Fixed quantity of 50 Cullers Quantité fixe de 50 cullers				

331414
STN-SUCC
7 X 1988
DOWNSVIEW ON
M3M-2G0

12

452

1988

RELEASE CERTIFICATE

Referring to the Circular No. 966-BCA/TT dated on May 31, 1961 of the Ministry of the Interior.

Executing the Judgment act, decision of release No. 133 dated December 12, 81 of the Ministry of the Interior.

Is hereby delivered to the person whose name as follows :

Full name NGUYEN THUONG CHI :-----:
Used other names : : HO CHI MINH CITY :
Alias : : Administration section of :
Born in : 1920 at My Tho : persons back from reeducation :
Place of permanent residence : reported on Jan. 20, 1982 :
before arrested : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17, street ward 4,
District 3, Ho Chi Minh City

Guilty of : Director of Directorate of Taxes.

Arrested on June 17, 75 sentenced to be concentrated for reeducation Pursuant to Judgment act No. 30 on June 30, 1976 of the Ministry of the Interior.

Sentence mitigated :

Authorized to reside at : 153/8/9 Ky Dong street, quarter 17,
Street ward 4, District 3, Ho Chi Minh City

Observations on Reeducation process :

- Has found himself to be guilty. Therefore in reeducation process, the person concerned has shown his belief in the Party and State policy.
- Political study : regular attendance
- Manual labor : Has completed all the required number of workdays.
- Compliance with camp regulations : good.

Fingerprint of	Full name, signature	January 14, 1982
NGUYEN THUONG CHI	of the holder	The camp supervisor
right index	(signed)	Lt. Col. TRAN MANH
No. 1700	NGUYEN THUONG CHI	XUYEN
Established at NV15		(signed and sealed)

(VERSO)

This is to certify that the person concerned has reported himself at the Administration section of persons back from reeducation.

Feb. 20, 1982

The Deputy chief of standing sub-section
(signed and sealed)

The person concerned has reported himself at the Quarter 17, District 3 on February 09, 82

Quarter 17, District 3, on Feb. 09, 82

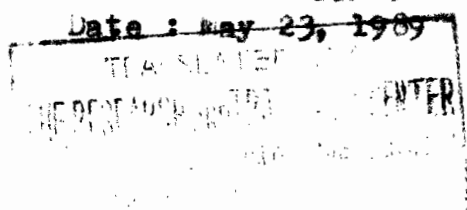
HOANG VAN CU

(signed and sealed)

Translated from the original written in Vietnamese

File No. 855/89

Date : May 23, 1989



BỘ NỘI VỤ
TRAI NAM HÀ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 481
(34)

GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 966-BIA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ
Thi hành án văn, quyết định tước số 133 ngày 10 tháng 12 năm 81
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tước cho anh có tên sau đây
Họ tên khai sinh: *Nguyễn Văn Sơn*
Họ tên thường gọi: *M*
Họ tên bí danh:

Sinh ngày 1 tháng năm 1920; Nơi sinh: *Mỹ Tho*
nơi HKK thường trú trước khi bị bắt

Can tội: *153/8/9 kháng cự đồng phạm 17. 10.4 & 10.3 TP HCM*
bị bắt ngày *17.6.75* án phạt: *11C*
theo QĐ án văn số 30 ngày 30 tháng 6 năm 1976
của Bộ Nội vụ

đã bị tước án
đã được *153/8/9 kháng cự đồng phạm 17. 10.4 & 10.3 TP HCM*
cải tạo và trình cải tạo

Đã xác định được tội lỗi do bản thân gây ra. Nên bằng học tập

Cải tạo đã trở về xã hội sống hòa đồng với đồng bào. Sẵn sàng cho đồng

thời kỳ

Học tập: Thêm gia đình
Sao đống: Gồm 100 ngày giờ công lao động
Chợ thịt: Nối gáy của hai lợn

Lần tước án văn - Họ tên cũ ký - Ngày 14 tháng 1 năm 82
của *M. Sơn* N. được cấp giấy - GIAM THI
Danh đơn số 1170
lập tại *NV 15*

Ng. thông. Chi

Nguyễn Văn Sơn

lưu như cũ để... 17/12/82

Chức vụ... ngày... 1982

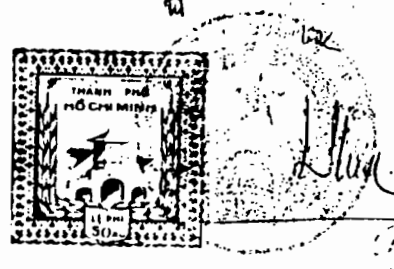
[Signature]

Hàng ngàn lời

S/S Cố đơn trình diện tại
tên ban ALNHTCTDV An ninh 3
ngày 20 tháng 02 năm 1982
Phó tiêu ban Thước Bưu

[Signature]

100T
CHUNG HÂN
GIỚI V BÀN CHÁNH
TH... 6... 1982



TP.HỒ-CHÍ-MINH ,ngày 8 tháng 8 năm 1989

Kính gửi Bà KHUẾ-MINH-THƠ

ARLINGTON-VIRGINIA ,U.S.A.

Kính thưa Bà ,

Gia đình chúng tôi mới nhận được thư Bà cho biết Bà có nhận được thư của chúng tôi và Bà đã sẵn lòng giúp đỡ lo giúp hồ-sơ xin tái định cư để đoàn-tụ gia đình ,chúng tôi rất vui mừng và xin trước hết kính gửi lời thành thật cảm ơn tấm lòng tốt của Bà rất nhiều .

Bà có cho biết nên gửi cho Bà giấy tờ hồ-sơ mỗi thứ hai bản . Vì giấy tờ nhiều quá ,chúng tôi xin được phép gửi trước qua Bà một bộ hồ sơ đầy đủ trong hai phong bì. Rồi sau đó,chúng tôi sẽ gửi thêm một bộ thứ nhì cũng đầy đủ hồ sơ với hai phong bì như chuyến gửi đầu tiên này .Xin Bà vui lòng nhận cho .

Hồ sơ xin đoàn-tụ gia đình của chúng tôi được gửi qua BANGKOK và WASHINGTON D.C. từ năm 1983 ,có bổ-túc năm 1988,sau đám cưới của con trai chúng tôi NGUYỄN-THƯỢNG-TIẾN cưới vợ là TRĂNG-THỊ-KIM-CHI .

Ngày 5 tháng 6 năm 1989,chúng tôi làm lại hồ-sơ đầy đủ giấy tờ đúng theo qui-định của ODP và gửi đến em vợ tôi là Cậu HẠP-NGỌC-VƯƠNG,có Quốc-tịch Mỹ,cư ngụ tại 336,NORMAN Street,BRIDGEPORT ,CONNECTICUT 06605,U.S.A.,để nhờ bảo lãnh cho gia-

đình chúng tôi và nhờ làm tiếp các thủ tục tại Mỹ để
gửi các forms và giấy tờ đến ODP SAN FRANCISCO, BANGKOK
và USCC National Office ở WASHINGTON D.C. Có lẽ em
chúng tôi đã hoặc đang làm các thủ tục cần thiết. Chúng
tôi có dặn em chúng tôi khi nào gửi các hồ sơ đi rồi
thì điện thoại liền đến cho Bà biết tin tức.

Chúng tôi đặt niềm tin ở Bà và hi-vọng sẽ được
phía Chánh phủ Mỹ sớm cấp cho các giấy tờ cho phép nhập
cư nước Mỹ đủ sáu người trong gia đình chúng tôi cùng đi
đoàn tụ một lượt. Theo thủ tục mới tại nước VIỆT-NAM,
phải có giấy Chánh phủ nước tiếp nhận cho phép thì Cơ-
Quan phụ trách xuất cảnh mới xét và cấp cho giấy xuất
cảnh. Chúng tôi xin nhờ Bà cố-gắng giúp giùm cho mau
được cái LOI và Form I-171. Khi có các giấy đó, chúng
tôi sẽ xin phép Chánh phủ VIỆT-NAM cho xuất cảnh để²
được đoàn tụ gia đình mà đa số anh em chúng tôi đang
sống ở Mỹ.

Một lần nữa xin chơn-thành cảm ơn sự giúp đỡ
của Bà và kính chúc Bà và quý quyến vạn sự bình an và
dồi-dào sức khỏe.

Trân trọng kính chào Bà.


NGUYỄN-THƯỜNG-CHÍ
153/8-9 đường Kỳ-Đông P.9 Q.3
TP. HỒ-CHÍ-MINH
VIET-NAM-

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter

5/18/89 form